

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH VIETTEL  
VIETTEL CONSTRUCTION  
JOINT STOCK CORPORATION

Số/No.: 13 /CBTT-VCC

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence - Freedom - Happiness*

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Hanoi, day 25 month 04 year 2024

DISCLOSURE OF INFORMATION  
ON THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức/*Organization name:* TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL/VIETTEL CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

- Mã chứng khoán/*Securities Symbol:* CTR

- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội/ *No.1 Giang Van Minh street, Kim Ma ward, Ba Dinh district, Hanoi.*

- Điện thoại/ *Telephone:* 086.208.1111

- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:* Nguyễn Ngọc Ánh

Chức vụ/ *Submitted by:* Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Party authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

*Information disclosure type:*  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố:**

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

***Content of Information disclosure:***

*Meeting Minutes and Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of Viettel Construction Joint Stock Corporation.*



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/04/2024 tại đường dẫn: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>.

*This information was disclosed on company's website on 25/04/2024 Available at: <https://viettelconstruction.com.vn/quan-he-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation./.*

**Nơi nhận/Recipient:**

- Như trên/ As above;
- Lưu/Archived by: TKHDQT. Anh03.

**Tài liệu đính kèm/Attachment:**

- BB và NQ đại hội/ Meeting Minutes and Resolution of the 2024 AGM.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người ủy quyền công bố thông tin  
Party authorized to disclose information



Nguyễn Ngọc Ánh





Số: 13/NQ-VCC

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông số 12/BB-VCC ngày 24/04/2024.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo số 01/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động 2023, định hướng năm 2024.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 03/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024. Một số chỉ tiêu chính như sau:

**2.1. Kết quả kinh doanh năm 2023.**

**- Số liệu công ty hợp nhất:**

| TT        | Tên chỉ tiêu                        | TH 2022 | Năm 2023 |          |      | So với 2022 |        |
|-----------|-------------------------------------|---------|----------|----------|------|-------------|--------|
|           |                                     |         | KH       | TH       | %KH  | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b> |         |          |          |      |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                      | 9.495,3 | 10.338,1 | 11.398,6 | 110% | 1.903,3     | 20,0%  |
| 2         | Tổng chi phí                        | 8.925,0 | 9.724,9  | 10.753,8 | 111% | 1.828,8     | 20,5%  |
| 3         | LNTT                                | 570,3   | 613,2    | 644,8    | 105% | 74,5        | 13,1%  |
| 4         | LNST                                | 455,2   | 487,0    | 515,9    | 106% | 60,7        | 13,3%  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>            |         |          |          |      |             |        |
| 1         | ROA (%)                             | 9,08%   | 9,20%    | 7,95%    | 86%  | -1,13%      | -12,5% |
| 2         | ROE (%)                             | 30,87%  | 28,00%   | 28,46%   | 102% | -2,41%      | -7,8%  |

**- Số liệu công ty mẹ:**

| TT       | Tên chỉ tiêu              | TH 2022 | TH 2023 |    |     | So với 2022 |   |
|----------|---------------------------|---------|---------|----|-----|-------------|---|
|          |                           |         | KH      | TH | %KH | Δ           | % |
| <b>I</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính</b> |         |         |    |     |             |   |

| TT        | Tên chỉ tiêu             | TH 2022 | TH 2023 |         |      | So với 2022 |         |
|-----------|--------------------------|---------|---------|---------|------|-------------|---------|
|           |                          |         | KH      | TH      | %KH  | Δ           | %       |
|           | (tỷ đồng)                |         |         |         |      |             |         |
| 1         | Tổng doanh thu           | 8.335,3 | 9.256,1 | 9.847,9 | 106% | 1.512,6     | 18,1%   |
| 2         | Tổng chi phí             | 7.789,8 | 8.666,6 | 9.225,5 | 106% | 1.435,7     | 18,4%   |
| 3         | LNTT                     | 545,5   | 589,5   | 622,4   | 106% | 76,9        | 14,1%   |
| 4         | LNST                     | 439,2   | 471,6   | 500,3   | 106% | 61,1        | 13,9%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b> |         |         |         |      |             |         |
| 1         | ROA (%)                  | 9,39%   | 8,90%   | 8,32%   | 93%  | -1,07%      | -11,38% |
| 2         | ROE (%)                  | 30,53%  | 26,40%  | 28,71%  | 109% | -1,82%      | -5,98%  |

## 2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

### - Chỉ tiêu hợp nhất

| TT        | Chỉ tiêu hợp nhất                   | TH 2023  | KH 2024  | So với 2023 |        |
|-----------|-------------------------------------|----------|----------|-------------|--------|
|           |                                     |          |          | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b> |          |          |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                      | 11.398,6 | 12.653,0 | 1.254,4     | 11,0%  |
| 2         | Tổng chi phí                        | 10.753,8 | 11.982,0 | 1.228,2     | 11,4%  |
| 3         | LNTT                                | 644,8    | 671,4    | 26,6        | 4,1%   |
| 4         | LNST                                | 515,9    | 531,7    | 15,8        | 3,1%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>        |          |          |             |        |
| 1         | ROA                                 | 7,95%    | 6,80%    | -1,2%       | -14,5% |
| 2         | ROE                                 | 28,46%   | 24,70%   | -3,8%       | -13,2% |

### - Chỉ tiêu công ty mẹ

| TT        | Chỉ tiêu công ty mẹ                 | TH 2023 | KH 2024  | So với 2023 |        |
|-----------|-------------------------------------|---------|----------|-------------|--------|
|           |                                     |         |          | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b> |         |          |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                      | 9.847,9 | 11.262,0 | 1.414       | 14,4%  |
| 2         | Tổng chi phí                        | 9.225,5 | 10.624,0 | 1.399       | 15,2%  |
| 3         | LNTT                                | 622,4   | 638,0    | 16          | 2,5%   |
| 4         | LNST                                | 500,3   | 509,2    | 9           | 1,8%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>        |         |          |             |        |
| 1         | ROA                                 | 8,32%   | 7,00%    | -1,3%       | -15,9% |
| 2         | ROE                                 | 28,71%  | 24,70%   | -4,0%       | -14,0% |

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo số 06/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

**Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

1047  
CÔNG  
CỔ P  
ÔNG T  
VIET  
ĐINH -



| STT  | Chỉ tiêu                   | Năm 2023                |               |        |
|------|----------------------------|-------------------------|---------------|--------|
|      |                            | Giá trị<br>(Triệu đồng) | % VĐL         | % LNST |
| 1.   | Vốn điều lệ đầu kỳ         | 1.143.859               |               |        |
| 2.   | Tổng LNST                  | 539.117                 | 47,13%        |        |
| -    | LNST thực hiện trong kỳ    | 500.329                 |               |        |
| -    | LNST để lại kỳ trước       | 38.788                  |               |        |
| 3.   | Đề xuất PPLN               | 538.630                 |               |        |
| 3.1  | Trích Quỹ ĐTPT             | 100.000                 | 9%            | 20%    |
| 3.2. | Trích Quỹ KTPL             | 125.000                 | 11%           | 25%    |
| 3.3. | Trích thưởng Người quản lý | 2.500                   | 0,2%          | 0,5%   |
| 3.4. | <b>Trả cổ tức</b>          | <b>311.130</b>          | <b>27,20%</b> | -      |
| -    | Bằng tiền mặt              | 311.130                 | 27,20%        |        |
| -    | Bằng cổ phiếu              | -                       |               |        |
| 4.   | LNST chưa phân phối        | 487                     |               |        |

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho các cá nhân cho mục 3.3 nêu trên.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng Công ty.

**Điều 6.** Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ của Công ty. Danh sách các công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

**Điều 7.** Thông qua tờ trình mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và đề xuất mức thù lao cho năm 2024 như sau:

1. Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

1.1. Hội đồng quản trị: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 5,17 tỷ đồng.

1.2. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 2,03 tỷ đồng.

(Các số liệu trên không bao gồm thưởng từ quỹ thưởng cho Người quản lý trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua).

**1.3. Chi phí hoạt động 2023:** Tổng chi phí hoạt động 2023 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 879 triệu đồng.

**2. Đề xuất mức lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, năm 2024:**

**2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT:** Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT năm 2024 là 6,67 tỷ đồng.

**2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:** Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2024 là 2,35 tỷ đồng.

**2.3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024:** Ngân sách dự kiến là 2,5 tỷ đồng.

**Điều 8.** Thông qua tờ trình số 04/TTr-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.

**Điều 9.** Thông qua tờ trình số 05/TTr-VCC ngày 02/04/2024 của Hội đồng quản trị về sửa Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 10.** Điều khoản thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- UBCK, Sở GD&ĐT HCM;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Các cổ đông qua Website;
- Lưu: HĐQT. Quân 03.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**





Số: 12/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2024

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**Đơn vị:** Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

**Giấy đăng ký kinh doanh số:** 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 tại ngày 10/08/2022.

**Trụ sở chính:** Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

**Thời gian:** Bắt đầu lúc 14h00, ngày 24 tháng 04 năm 2024 và kết thúc lúc 16h30 ngày 24 tháng 04 năm 2024.

**Địa điểm họp:** Hội trường tầng 15 tòa nhà Viettel, số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội; trực tuyến tại địa chỉ: <https://daihoicodong.congtrinhviettel.com.vn/>.

**Chương trình và nội dung Đại hội:** Theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua. (Đính kèm biên bản).

**Chủ tọa Đại hội:** Ông Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT).

**Thư ký Đại hội:** Ông Phạm Hồng Quân – Trưởng ban thư ký đại hội.

**Ban kiểm phiếu:** Ông Nguyễn Thanh Tuấn; Bà Trần Minh Nguyệt; Bà Nguyễn Ngọc Ánh và Bà Bùi Thanh Hằng.

**DIỄN BIẾN VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI NHƯ SAU:**

**A. KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

1. Bà Lê Minh Thu – Dẫn chương trình (MC) đã giới thiệu đại biểu về dự Đại hội. Đại biểu gồm có:

- Đại diện Hội đồng Quản trị gồm có:
  - Ông Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT;
  - Ông Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm TGD;
  - Ông Nguyễn Tất Trường – Thành viên HĐQT;
  - Bà Vũ Thị Mai – Thành viên HĐQT.
- Đại diện Ban kiểm soát gồm có:

- Ông Ngô Quang Tuệ - Trưởng Ban Kiểm soát;
- Ông Phạm Hồng Quân và Bà Mai Thị Anh - Thành viên Ban Kiểm soát.
- Đại diện Ban Điều hành gồm có:
  - Ông Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
  - Ông Nguyễn Thái Hưng – Phó Tổng Giám đốc;
  - Ông Bùi Duy Bảo – Kế toán trưởng;
  - Và các Trưởng đơn vị trực thuộc (Phòng/ Trung tâm) của Tổng Công ty.
- Đại biểu đại diện Công ty mẹ - Cổ đông Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.
  - Đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
  - Các Quý vị cổ đông của Tổng Công ty.

2. Đại hội đã nghe ông Ông Nguyễn Thanh Tuấn thay mặt Ban thẩm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel tại thời điểm 14h00 ngày 24 tháng 04 năm 2024. Nội dung báo cáo như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty là 114.385.879 cổ phần. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp và trực tuyến là: 115 cổ đông, đại diện 84.248.808 cổ phần có quyền biểu quyết. Tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty là 73,65%.

Theo các quy định hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty cổ phần đủ điều kiện tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Do vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đã đủ điều kiện để tiến hành.

3. Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ 99,98%.

❖ **Đoàn Chủ tịch gồm:**

- |                        |                         |
|------------------------|-------------------------|
| - Ông Đỗ Mạnh Hùng     | - Chủ tọa/Chủ tịch đoàn |
| - Ông Phạm Đình Trường | - Thành viên            |
| - Ông Bùi Duy Bảo      | - Thành viên            |



❖ **Ban Thư ký:**

- Ông Phạm Hồng Quân - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Xuân Thành - Thành viên

❖ **Ban Kiểm phiếu:**

- Ông: Nguyễn Thanh Tuấn - Trưởng Ban
- Bà: Trần Minh Nguyệt - Phó Ban
- Bà: Nguyễn Ngọc Ánh - Thành viên
- Bà: Bùi Thanh Hằng - Thành viên

4. Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Tổng Công ty với tỷ lệ 99,98%.

**B. NỘI DUNG ĐẠI HỘI.****I. Trình bày các Báo cáo, tờ trình được trình bày tại Đại hội.**

1. Ông Đỗ Mạnh Hùng – Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình bày các nội dung :

- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng năm 2024;
- Tờ trình thông qua mức lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và đề xuất mức lương, thù lao cho năm 2024.

2. Ông Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày:

- Báo cáo của Ban Điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

3. Ông Ngô Quang Tuệ - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày :

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024;
- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

4. Ông Bùi Duy Bảo – Kế toán trưởng Tổng Công ty trình bày tờ trình :

- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2023;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023;
- Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

347  
 NG C  
 CỔ P  
 ÔNG  
 VIET  
 ĐINH

## II. Thảo luận các vấn đề thuộc nội dung Đại hội

1. Ông Đỗ Mạnh Hùng - Chủ tọa Đại hội chủ trì việc thảo luận nội dung các báo cáo, tờ trình tại Đại hội.

2. Phần thảo luận: Đoàn Chủ tịch đã trả lời, chia sẻ thông tin cho các câu hỏi, ý kiến của 5 cổ đông và đại biểu tham dự với 10 câu hỏi:

- **Câu hỏi số 1:** Tại sao Tổng Công ty đặt kế hoạch năm 2024 tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn so với tăng trưởng doanh thu?

❖ **Trả lời:** Tổng Công ty xây dựng kế hoạch dựa trên đánh giá môi trường kinh doanh và nguyên tắc thận trọng. Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn đặt nguyên tắc làm việc: Nhiệm vụ đã hứa với cổ đông thì phải hoàn thành hoặc tốt hơn. Kết quả kinh doanh công ty được cập nhật định kỳ hàng tháng để cổ đông nắm bắt được thông tin. Năm nay do chưa tăng được vốn nên việc lợi nhuận có tăng trưởng thì chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cũng tăng lên và cũng sẽ giúp giá cổ phiếu tốt hơn.

- **Câu hỏi số 2:** Chiến lược phát triển 5 năm tiếp theo? Mảng nào là mảng tăng trưởng chính?

❖ **Trả lời:** Tổng Công ty đang xây dựng chiến lược đến 2030, quan điểm đặt mục tiêu tăng trưởng tối thiểu 10%. Tăng trưởng sẽ đến từ tất cả lĩnh vực:

+ Lĩnh vực Vận hành tăng trưởng trung bình khoảng 5% theo hạ tầng;

+ Lĩnh vực Xây dựng tăng trưởng tốt hơn dựa trên thị trường xây dựng tiềm năng ở Việt Nam. Khi có uy tín thì công ty sẽ tăng được thị phần.

+ Lĩnh vực Giải pháp kết hợp với xây dựng B2C tạo hệ sinh thái hoàn chỉnh để cộng hưởng được tốt hơn. Mảng này sẽ tăng trưởng nhờ kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người tăng lên.

+ Lĩnh vực Đầu tư hạ tầng sẽ có tốc độ tăng trưởng cao nhờ mạng 5G. Các nhà mạng sẽ triển khai rất nhanh làm 5G để kinh doanh.

- **Câu hỏi số 3:** Lãnh đạo chia sẻ về tình hình đầu tư dự án cao tốc Bắc - Nam và dự án điện mạch 3?

❖ **Trả lời:** Dự án điện mạch 3 công ty có tham gia, do chưa đủ năng lực liên quan điện công nghiệp nên trước mắt công ty làm thầu phụ cho nhà thầu chính. Hợp đồng đang thực hiện có giá trị 15 tỷ cho phần xây dựng. Sắp tới sẽ nhận thêm một số gói lắp dựng cột.



Dự án đầu tư tuyến cáp ngầm cao tốc Bắc - Nam: Dự án đã được HĐQT thông qua, năm nay dự kiến đầu tư gần 400 tỷ, dự án sẽ bám theo tiến độ triển khai cao tốc Bắc - Nam của Chính phủ.

- **Câu hỏi số 4:** Hệ sinh thái B2C ở Việt Nam đang rất có tiềm năng tăng trưởng lớn và công ty có lợi thế về độ phủ, tại sao công ty không tập trung để đẩy mạnh mà lại phân bổ nguồn lực đầu tư sang thị trường Úc? Việc tiến sang Úc là công ty thăm dò hay bước đi chiến lược?

❖ **Trả lời:** Để có một doanh nghiệp trường tồn và phát triển bền vững thì phải những bước đi chiến lược có tính dài hạn. Ví dụ như thành công của Tập đoàn Viettel nhờ có chiến lược dài hạn đầu tư nước ngoài từ rất sớm nên năm vừa qua doanh thu dịch vụ ở nước ngoài đã bằng doanh thu viễn thông tại Việt Nam. Viettel rất có kinh nghiệm trong đầu tư ra nước ngoài, có nhiều mô hình nhưng mô hình nào cũng phải hiệu quả, an toàn. Cách tiếp cận của VCC sẽ triển khai thận trọng: Bước đầu sẽ tiếp cận đối tác nước ngoài làm thương mại, bước 2 là cử nhân sự học hỏi kinh nghiệm, bước 3 là đánh giá về thị trường đặc biệt là vấn đề pháp luật nước sở tại và hiệu quả để quyết định làm theo hình thức đầu tư hay làm theo hình thức làm cung ứng dịch vụ.

- **Câu hỏi số 5:** Tỷ lệ dùng chung hạ tầng mạng Towerco thấp, xu hướng trên thế giới các công ty viễn thông liên doanh thành lập các công ty Towerco để tận dụng hạ tầng của nhau. Nếu trong nước các nhà mạng khác cũng liên doanh lại thành lập Towerco thì trở thành đối thủ lớn cho CTR không? Công ty có giải pháp tăng tỷ lệ dùng chung và phòng tránh trường hợp các nhà mạng khác cũng thành lập các Towerco riêng?

❖ **Trả lời:** Bộ Thông tin và Truyền thông khuyến khích các doanh nghiệp dùng chung hạ tầng, Viettel là đơn vị tiên phong trong xu thế này. Tỷ lệ dùng chung hiện tại đang 1.03 đến năm 2025 có thể tăng lên 1.05 hoặc 1.1 vì quỹ trạm của CTR sở hữu ngày càng tăng và ở các vị trí mới các nhà mạng chưa có sẽ phải thuê. Xu hướng các nhà mạng sẽ không đầu tư sở hữu hạ tầng mà đi thuê. Về liên doanh các nhà mạng, như Trung Quốc thì các nhà mạng góp lại thành lập công ty hạ tầng chung dựa trên hạ tầng sẵn có. CTR là công ty cổ phần nên CTR hoàn toàn có thể góp hạ tầng cùng các nhà mạng thành công ty hạ tầng chung.

- **Câu hỏi số 6:** Tại sao năm 2023 không chia cổ tức bằng cổ phiếu mà chia toàn bộ bằng tiền mặt trong khi công ty cần nhiều vốn để đầu tư cho hạ tầng cho





thuê? Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi tăng từ 15% năm 2022 lên 25% năm 2023. Tính ra EPS sẽ giảm 10%. Công ty có tính toán phương án hài hòa cho cổ đông?

❖ **Trả lời:** Việc không thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu là do Công ty tuân thủ theo một số quy định của pháp luật. Để có nguồn lực cho 5 năm tới, CTR có kế hoạch tăng vốn, trong báo cáo của HĐQT chúng tôi cũng định hướng đây là nhiệm vụ trọng tâm của năm nay. Phương án tăng vốn cụ thể sẽ được báo cáo Đại hội sau khi có đầy đủ thông tin. Hiện nay, Chúng tôi đang cân nhắc nhiều phương án tăng vốn, ưu tiên phương án nào đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cổ đông. Về định hướng cho 5 năm tới sẽ tăng trưởng 2 con số và tối thiểu là 10%. Tổng Công ty nhìn thấy cơ hội 5 thậm chí 10 năm tới là câu chuyện 5G. Vì thế, Viettel Construction xác định đây là khoảng thời gian thách thức nhưng thú vị để Tổng Công ty hiện thực hoá mục tiêu phát triển bền vững. CTR sẽ phải đầu tư mạnh để chiếm lĩnh thị trường cho thuê, Chúng tôi ưu tiên đầu tư hạ tầng trạm cho 5G ngoài ra có thể đầu tư cả phần nguồn cho nhà trạm.

Về trích lập quỹ: Chúng tôi tuân thủ theo quy định của Pháp luật, năm 2023 có trích quỹ ĐTPT để có nguồn vốn đầu tư, trích thêm quỹ KTPL với mong muốn đảm bảo phúc lợi cho Người lao động và khen thưởng động viên kịp thời Người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và vượt qua thách thức của năm 2024 từ đó tạo thêm nhiều lợi nhuận cho cổ đông. Chúng tôi đã cân nhắc, tính toán cẩn thận cho phương án phân phối lợi nhuận dựa trên sự hài hòa lợi ích cho cổ đông và người lao động.

- **Câu hỏi số 7:** Hiện tại công ty sở hữu hơn 6.000 trạm thì so với các nhà mạng khác như Vina, Mobi thì tương quan về trạm thế nào? Sau chu kỳ 5G thì quy mô hạ tầng của mình có tương đương các nhà mạng trên không?

**Trả lời:** Hiện tại CTR sở hữu khoảng 6.500 trạm, Mobi sở hữu khoảng 15.000 trạm; Vina cũng khoảng 15.000 trạm. Năm nay chúng tôi thêm 4.000 trạm là lên hơn 10.000 trạm bằng 2/3 số trạm của Vina hoặc Mobi. Khi có 5G bùng nổ, CTR có thể sở hữu tới 30.000 đến 50.000 trạm trong 5-10 năm tới.

- **Câu hỏi số 8:** Trạm CTR đầu tư cho thuê tập trung khu vực nào (đô thị hay vùng sâu vùng xa, miền Bắc hay miền Trung, miền Nam)?

**Trả lời:** Chúng tôi xây trạm cho thuê trên toàn quốc không phụ thuộc vào khu vực nào.



- **Câu hỏi số 9:** Có nhà mạng nào khác thuê trạm của CTR ngoài Viettel không?

**Trả lời:** Ngoài Viettel ra có Vinafone và Mobifone thuê trạm của CTR. Tỷ lệ dùng chung đang là 1,03 và xu thế sẽ tăng lên.

- **Câu hỏi số 10:** CTR có mong muốn hợp tác với đối tác nước ngoài về công nghệ mới không?

**Trả lời:** Việc Viettel phát triển hạ tầng 5G là cơ hội để Viettel Construction tăng trưởng trong 5-10 năm tiếp theo. Viettel Construction luôn sẵn sàng tìm đối tác cả trong và ngoài nước có tiềm lực và kinh nghiệm để học hỏi kinh nghiệm, công nghệ mô hình tiên tiến, cùng nhau phát triển bền vững.

### **III. Biểu quyết, bầu cử và kết quả kiểm phiếu**

1. MC đại hội đã hướng dẫn cổ đông cách thức đăng nhập hệ thống và biểu quyết các nội dung.

2. Hệ thống bỏ phiếu điện tử đóng vào lúc 16h00 ngày 24/04/2024 để tiến hành kiểm phiếu.

3. Sau khi kiểm phiếu xong, Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu:

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp và trực tuyến: 155 cổ đông, tương ứng với 86.817.181 phiếu biểu quyết, chiếm 75,9% tổng số biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 114 cổ đông, tương ứng với 85.671.355 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,68% trên tổng số biểu quyết tham dự đại hội.

- Tổng số cổ đông không tham gia biểu quyết là 41 cổ đông, tương ứng với 1.145.826 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 1,32%% trên tổng số biểu quyết tham dự đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của 114 cổ đông, tương ứng với 85.671.355 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số biểu quyết tham dự và biểu quyết tại đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ là 0 cổ đông, tương ứng với 0 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0% trên tổng số biểu quyết tham dự và biểu quyết tại đại hội.

104  
ING  
CỔ  
ÔNG  
VIE  
DINH

| STT | Nội dung  | Tán thành           |         | Không tán thành     |         | Không có ý kiến     |         |
|-----|---|---------------------|---------|---------------------|---------|---------------------|---------|
|     |   | Số phiếu biểu quyết | Tỷ lệ % | Số phiếu biểu quyết | Tỷ lệ % | Số phiếu biểu quyết | Tỷ lệ % |
| 1   | Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2023, định hướng năm 2024   | 85.671.355          | 100,00% | 0                   | 0,00%   | 0                   | 0,00%   |
| 2   | Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024  | 85.360.465          | 99,64%  | 0                   | 0,00%   | 310.890             | 0,36%   |
| 3   | Tờ trình chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết) | 10.346.889          | 100,00% | 0                   | 0,00%   | 10                  | 0,00%   |
| 4   | Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024  | 85.671.355          | 100,00% | 0                   | 0,00%   | 0                   | 0,00%   |
| 5   | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024   | 84.695.111          | 98,86%  | 976.234             | 1,14%   | 10                  | 0,00%   |
| 6   | Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2023   | 85.671.355          | 100,00% | 0                   | 0,00%   | 0                   | 0,00%   |
| 7   | Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023  | 82.466.001          | 96,26%  | 2.311.544           | 2,70%   | 893.810             | 1,04%   |
| 8   | Tờ trình thông qua mức lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và đề xuất mức lương, thù lao năm 2024  | 85.666.945          | 99,99%  | 0                   | 0,00%   | 4.410               | 0,01%   |
| 9   | Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ  | 85.671.355          | 100,00% | 0                   | 0,00%   | 0                   | 0,00%   |



#### **IV. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT.**

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng năm 2024 tại văn bản số 01/BC-VCC ngày 02/04/2024.
  2. Thông qua Tờ trình thông qua mức lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và đề xuất mức lương, thù lao cho năm 2024 tại văn bản số 02/TTr-VCC ngày 02/04/2024.
  3. Báo cáo của Ban Điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 tại văn bản số 03/BC-VCC ngày 02/04/2024.
  4. Thông qua Tờ trình về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại văn bản số 04/TTr-VCC ngày 02/04/2024.
  5. Thông qua Tờ trình về việc sửa Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại văn bản số 05/TTr- VCC ngày 02/04/2024.
  6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 tại văn bản số 06/BC-VCC ngày 02/04/2024.
  7. Tờ trình Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 tại văn bản số 07/TTr-VCC ngày 02/04/2024.
  8. Thông qua Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2023 tại văn bản số 08/TTr-VCC ngày 02/04/2024.
  9. Thông qua Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 tại văn bản số 09/TTr-VCC ngày 02/04/2024.
- ❖ Những nội dung Đại hội biểu quyết và nhất trí không thông qua: **Không.**

#### **C. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI**

1. ĐHCĐ nhất trí phê duyệt toàn văn Biên bản và Nghị quyết do Ông Phạm Hồng Quân – Thư ký Đại hội đọc tại Đại hội.
2. Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty đã hoàn thành tốt đẹp, Đại hội bế mạc vào hồi 16h30 cùng ngày.

805  
3 TY  
N  
INH  
:L  
HIA

Các tài liệu kèm theo Biên bản họp:

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Báo cáo số 01/BC-VCC ngày 02/04/2024 của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng năm 2024.
- Tờ trình số 02/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc thông qua mức lương, thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và đề xuất mức lương, thù lao cho năm 2024.
- Báo cáo số 03/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban Điều hành về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Tờ trình số 04/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.
- Tờ trình số 05/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc sửa Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Báo cáo số 06/BC-VCC ngày 02/04/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch 2024.
- Tờ trình số 07/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- Tờ trình số 08/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023.
- Tờ trình số 09/TTr-VCC ngày 02/04/2024 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.

**TM. ĐOÀN THƯ KÝ**

**PHẠM HỒNG QUÂN**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TOA**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**





**CHƯƠNG TRÌNH HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

**Thời gian:** Từ 13h30 đến 17h00 Thứ Tư, ngày 24/04/2024.

**Địa điểm:** Hội trường tầng 15 tòa nhà Viettel, số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

| <b>THỜI GIAN</b> | <b>NỘI DUNG</b>   |
|------------------|---|
| 13h30 - 14h00    | Đăng ký tham dự Đại hội   |
| 14h00 - 14h10    | Khai mạc Đại hội  |
| 14h10 - 14h15    | Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội  |
| 14h15 - 14h20    | - Thông qua Quy chế Đại hội, Chương trình Đại hội<br>- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu |
| 14h20 - 15h20    | Trình bày các Báo cáo và Tờ trình xin ý kiến Đại hội  |
| 15h20 - 15h50    | Thảo luận   |
| 15h50 - 16h00    | Đại hội biểu quyết  |
| 16h00 - 16h15    | Nghỉ giải lao   |
| 16h15 - 16h25    | Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết   |
| 16h25 - 16h35    | Thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội  |
| 16h35 - 17h00    | Bế mạc Đại hội  |

**DANH SÁCH BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH  
XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động 2023, định hướng năm 2024
2. Tờ trình thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2023 và đề xuất mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2024.
3. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.
4. Tờ trình chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
5. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
6. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
8. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2023.
9. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.
10. Nội dung khác (nếu có).



Số: 01/BC-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin được báo cáo Đại hội kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023, định hướng năm 2024, như sau:

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023**

**1. Đánh giá chung**

- Môi trường kinh tế vĩ mô đã có nhiều khởi sắc: Môi trường lãi suất thấp, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, ngành bất động sản có tăng trưởng trở lại trong quý cuối năm, tổng mức bán lẻ cải thiện dần ... khó khăn nhất đã qua tuy nhiên vẫn cần thời gian để các doanh nghiệp hồi phục và mở rộng sản xuất. Lĩnh vực viễn thông tiếp tục cạnh tranh mạnh, chủ đầu tư tiếp tục yêu cầu cao hơn về chất lượng dịch vụ.

- Năm 2023, Tổng Công ty chủ trương phát triển kinh doanh bền vững gắn liền trách nhiệm xã hội, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp gắn chặt với kết cấu tổ chức. Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số và chú trọng vào công tác xây dựng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với văn hóa và chiến lược kinh doanh. Về chiến lược tiếp tục tìm kiếm không gian kinh doanh mới, định hướng Go Global.

- Kết quả năm 2023, doanh thu Tổng Công ty lần đầu tiên vượt mốc 10.000 tỷ đồng, giữ vững vị trí số 1 Towerco tại Việt Nam và cũng là năm Tổng Công ty tiếp tục bội thu các danh hiệu, giải thưởng trong và ngoài nước (16 giải thưởng, danh hiệu trong và ngoài nước (05 giải thưởng mới lần đầu). Tiêu biểu giải thưởng như: Top 3 Midcap được yêu thích nhất; Global CSR & ESG Summit and Awards 2023; Top 50 Forbes; Top 500 DN lợi nhuận tốt nhất...

**2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao**

**2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**2.1.1. Kết quả kinh doanh năm 2023**

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 11.399 tỷ đồng hoàn thành 110% kế hoạch, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ 2022.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 515,9 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch, tăng trưởng 13% so với cùng kỳ 2022.

o Riêng Công ty mẹ: Tổng doanh thu đạt 9.848 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch; LNST đạt 500,3 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch; ROE đạt 28,7% hoàn thành 104% kế hoạch.

**2.1.2. Kết quả thực hiện các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm:**

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã thực hiện tốt theo đúng các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm được giao:





- Tiếp tục khẳng định và giữ vững vị thế số 1 Việt Nam trong lĩnh vực vận hành khai thác hạ tầng mạng lưới viễn thông và Towerco. Hạ tầng sở hữu đến cuối năm 2023: 6.436 trạm BTS; 1,87 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2,716 km truyền dẫn; 16,87 mwp điện mặt trời.

- Số 1 về độ phủ công trình xây dựng riêng lẻ tại Việt Nam: Tỷ lệ công trình phủ huyện đạt 97,4%; phủ xã đạt 23,6%.

- Mức độ trưởng thành số đạt mức 3.63/5 - ADVANCING – NÂNG CAO. Hệ thống QTRR đạt mức Thực thi 4/5. Mức độ trưởng thành văn hóa doanh nghiệp đạt 5.0.

- Định hướng mở rộng không gian kinh doanh: Định hướng Go Global - Xúc tiến nghiên cứu thị trường tại Úc.

## **2.2. Thực hiện những nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền**

### **2.2.1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2022:**

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

### **2.2.2. Chi trả cổ tức năm 2022 trong năm 2023:**

Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% và cổ phiếu tỷ lệ 21,51%. Tuy nhiên, do hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức UBCK không chấp thuận nên sau đó theo Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023 đã điều chỉnh phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 21,51% thành chi trả cổ tức còn lại bằng tiền tỷ lệ 19,19%. Như vậy, năm 2022 tổng cổ tức Tổng Công ty thực hiện chi trả theo NQ của Đại hội cổ đông là 29,19%. Thời gian chi trả như sau:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% lần 1: 114,39 tỷ đồng. Thời gian chi trả: 31/07/2023.

- Trả cổ tức còn lại năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 19,19%: 219,51 tỷ đồng. Thời gian chi trả: 06/02/2024.

### **2.2.3. Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:**

Không thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023.

### **2.2.4. Sửa đổi Điều lệ:**

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty, Người đại diện theo pháp luật đã ký và công bố thông tin trên website theo đúng quy định.

### **2.2.5. Thực hiện giao dịch với người liên quan:**

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 và Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023, Người đại diện theo pháp luật của TCT đã ký kết các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2023 như sau:

**a. Tham gia dự thầu 07 gói thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026:** Trúng 6/7 gói thầu đã ký 6 hợp đồng với Tổng Công ty Viễn



thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội với tổng giá trị là 15.850 tỷ đồng.

**b. Hợp đồng, giao dịch có giá trị  $\geq 35\%$  tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất**

- Hợp đồng số 281201-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Giá trị hợp đồng: 2.445.697.814.156 đồng.

- Hợp đồng số 281202-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 15 tỉnh đồng bằng sông Hồng. Giá trị hợp đồng: 4.797.795.517.294 đồng.

- Hợp đồng số 281206-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Giá trị hợp đồng: 3.295.943.136.328 đồng.

**c. Hợp đồng, giao dịch mang tính chất thường xuyên, liên tục có giá trị  $< 35\%$  tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất:** Năm 2023, tổng số các hợp đồng có giá trị  $< 35\%$  tổng giá trị tài sản/từng giao dịch của TCT đã được ký kết là 4.759 hợp đồng/giao dịch, với tổng giá trị 7.265.422.615.388 đồng.

*Chi tiết cổ đông có thể nghiên cứu trong tờ trình Thông qua hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.*

### 3. Tổ chức và hoạt động của HĐQT

#### 3.1. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Năm 2023, HĐQT Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel đã tổ chức 09 phiên họp (trong đó: 04 phiên biểu quyết tại cuộc họp và 05 phiên lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua 25 Nghị quyết/Quyết định nhằm quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Số lượng các cuộc họp:

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ<br>(TV HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập    |                 | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp     |
|-----|----------------------|---|---|-----------------|--------------------------|-------------------|-----------------------------|
|     |                      |   | Ngày bổ nhiệm   | Ngày miễn nhiệm |                          |                   |                             |
| 1   | Ông Đỗ Mạnh Hùng     | Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT không điều hành)               | 22/04/2022  |                 | 9/9                      | 100%              |                             |
| 2   | Ông Phạm Đình Trường | TV HĐQT   | - Lần đầu:<br>26/01/2019<br>- Tái bổ nhiệm:<br>06/06/2020 |                 | 9/9                      | 100%              |                             |
| 3   | Bà Nghiêm Phương Nhi | TV HĐQT không điều hành                               | 06/06/2020  | 18/04/2023      | 2/3                      | 66,67%            | Bà Nhi có Đơn từ nhiệm ngày |

11047  
CÔNG  
CỔ P  
CÔNG  
VIET  
ĐỊNH



|   |                          |                            |  |  |     |      |   |
|---|--------------------------|----------------------------|--|--|-----|------|---|
|   |                          |                            |  |  |     |      | 13/03/2023.<br>ĐHĐCĐ<br>miễn nhiệm<br>từ ngày<br>18/04/2023 |
| 4 | Ông Nguyễn<br>Quang Khải | TV độc lập<br>HĐQT         | 22/04/2022   |  | 9/9 | 100% |   |
| 5 | Ông Nguyễn<br>Tất Trường | TV HĐQT<br>không điều hành | - Lần đầu:<br>19/06/2018<br>- Tái bổ<br>nhiệm:<br>06/06/2020 |  | 9/9 | 100% |   |
| 6 | Bà Vũ Thị<br>Mai         | TV HĐQT<br>không điều hành | 18/04/2023   |  | 6/6 | 100% | ĐHĐCĐ bổ<br>nhiệm từ<br>ngày<br>18/04/2023                  |

### 3.2. Thù lao HĐQT – Chi phí hoạt động của HĐQT:

Việc chi trả lương, thù lao của HĐQT tuân thủ theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thông qua (Chi tiết theo tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2023 và đề xuất mức thù lao cho năm 2024).

### 3.3. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Năm 2023, thành viên độc lập HĐQT là ông Nguyễn Quang Khải đã tham gia 100% các phiên họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến quan trọng vào xây dựng hệ thống quản trị, đề xuất các mô hình kinh doanh mới cho Tổng Công ty.

## 4. Đánh giá Kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT

### 4.1. Đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của Tổng Công ty

- Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam phục hồi chậm trong năm 2023 và còn nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp, Tổng Công ty vẫn xuất sắc hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt đáng khích lệ là tỷ trọng doanh thu ngoài Tập đoàn tăng vượt mức kế hoạch. Đây là kết quả của công tác tổ chức quản lý điều hành sát sao nhạy bén của Ban lãnh đạo Tổng Công ty và nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên.

- HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát chỉ đạo ban điều hành thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng như điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT. Chủ tịch HĐQT sâu sát cùng các thành viên HĐQT làm việc trực tiếp với các trụ kinh doanh tại Tổng Công ty cũng như các chi nhánh Công trình Viettel tỉnh/TP để lắng nghe các ý kiến phản hồi từ đội ngũ trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cơ sở về các yếu tố tác động bên ngoài như thị trường, khách hàng, đối thủ cũng như các quy trình chính sách nội bộ của Tổng Công ty. HĐQT cũng luôn trần trở và trực tiếp tham gia cùng ban Điều hành tìm kiếm các mô hình kinh doanh mới đặc biệt là chú trọng vào chiến lược Go Global của Tổng Công ty.

### 4.2. Đánh giá chung hoạt động HĐQT



Trong năm 2023, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc tổ chức, điều hành hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh hoạt động tuân thủ, HĐQT đã tập trung nghiên cứu, định hướng và chỉ đạo Tổng Công ty thực hiện một số hoạt động:

- Nâng cao thực hành quản trị công ty tích hợp ESG.
- Nghiên cứu thị trường mở rộng không gian tăng trưởng, chiến lược Go Global.
- Triển khai mô hình tổ chức kế toán phân tán và đánh giá hiệu quả kinh doanh theo từng lĩnh vực/ trung tâm.
- Định hướng xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh đến năm 2030.
- Điều chỉnh phương án chi trả cổ tức năm 2022 đảm bảo quyền lợi cổ đông và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua giao dịch với Viettel.
- Rà soát pháp lý cho việc kinh doanh sản phẩm mang thương hiệu ViettelConstruction và rà soát đánh giá hoạt động quản lý thu hồi nợ, quản lý hàng tồn kho.

#### **4.3. Đánh giá kết quả từng thành viên**

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó Chủ tịch trực tiếp thực hiện đi thực tế cơ sở từ đó xây dựng, điều chỉnh và thực hiện một số chuyên đề lớn mang tính chiến lược cho Tổng Công ty.
- Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Tổng Công ty.
- Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2023.

### **5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành**

#### **5.1. Hoạt động giám sát:**

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT đã ban hành.
- Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.

53865  
CÔNG TY  
HÀNG  
TRÌNH  
TEL  
- TP. HÀ



- Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.
- Giám sát hoạt động quản lý thu hồi công nợ, quản lý hàng tồn kho và đánh giá hiệu quả kinh doanh của các đơn vị.
- Việc tổ chức triển khai mô hình tổ chức kế toán phân tán tại Chi nhánh tỉnh/tp.

### 5.2. **Đánh giá**

- Ban Điều hành quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu và thực hiện tốt các nhiệm vụ HĐQT đề ra.
- Ban Điều hành duy trì việc báo cáo HĐQT tình hình SXKD, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và xin ý kiến HĐQT các nội dung theo đúng thẩm quyền.
- Tổ chức kinh doanh đảm bảo được hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm.
- Chủ động trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, hoạt động truyền thông, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa số và văn hóa quản trị rủi ro. Tích cực đóng góp và tham gia thực hành quản trị công ty hướng tới phát triển bền vững.

## II. **KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2024**

### 1. **Định hướng - Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024**

- Khẩu hiệu năm 2024: Vượt qua thử thách – Đẩy mạnh đầu tư – Phát triển bền vững.
- Xây dựng phương án và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD năm 2024 và những năm tiếp theo.
- Nâng tỷ trọng doanh thu ngoài Viettel lên tỷ trọng 40%.
- Go Global: Ký và thực hiện 01-02 hợp đồng với các đối tác nước ngoài.
- Đồng bộ hạ tầng và cho thuê 4.000 trạm BTS mới.
- Vận hành tổ chức theo tiêu chuẩn quốc tế, vận hành hiệu quả mô hình hạch toán tại trung tâm kinh doanh, chi nhánh tỉnh/tp và Lan tỏa văn hóa doanh nghiệp ra bên ngoài.
- Với từng lĩnh vực:
  - VHKT: Sẵn sàng về năng lực để vận hành mạng lưới 5G ngay khi đưa dịch vụ 5G vào thương mại hóa. VHKT cho 1 nhà mạng viễn thông khác ngoài Viettel.
  - ĐTHT: Triển khai đầu tư hạ tầng nhanh đảm bảo tiến độ, hiệu quả và với thiết kế phù hợp với thế giới.
  - Xây dựng:
    - B2B: Lọt top doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường xây dựng dân dụng.
    - B2C: Độ phủ công trình số 1 tại Việt Nam, hoàn thiện hệ sinh thái “Smart”, “Xanh” và “Khép kín”.
  - GPTH & DVKT: Trở thành nhà phân phối toàn trình lớn nhất (Thiết kế giải pháp, phân phối sản phẩm, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa).

### 2. **Các chỉ tiêu SXKD chính năm 2024 (Số liệu hợp nhất)**

- Tổng doanh thu: 12.653 tỷ đồng tăng trưởng 11% so với năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế: 531,7 tỷ đồng, tăng trưởng 3% so với năm 2023.



- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 10%-20%.
- Trong đó: Tổng doanh thu của Công ty mẹ: 11.262 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 509,2 tỷ đồng; ROE đạt 22,45%.

Bằng sự quyết tâm, đoàn kết, sáng tạo, Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu đề ra.

Trên đây là báo cáo của HĐQT, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**

C.T.C.P  
★  
10.

Số: 02/TT-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thông qua mức lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và đề xuất mức lương, thù lao cho năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

### 1. Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

1.1. Hội đồng quản trị: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 5,17 tỷ đồng, trong đó:

- Thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách:

+ Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng.

+ Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng.

+ Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

- Lương cho thành viên HĐQT chuyên trách:

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

1.2. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương năm 2023 là: 2,03 tỷ đồng trong đó:

- Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách:

Thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

- Lương cho Ban Kiểm soát chuyên trách:

Thực hiện chi trả theo Quy chế lương của Tổng Công ty và thực hiện đúng theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

(Các số liệu trên không bao gồm thưởng từ quỹ thưởng cho Người quản lý trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua).

1.3. Chi phí hoạt động 2023: Tổng chi phí hoạt động 2023 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 879 triệu đồng.



**2. Đề xuất mức lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, năm 2024:**

**2.1. Đề xuất Thù lao, lương của HĐQT:**

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của HĐQT năm 2024 là 6,67 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên HĐQT không chuyên trách:

- + Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10 triệu đồng/tháng
- + Thù lao cho thành viên độc lập HĐQT: 22 triệu đồng/tháng
- + Thù lao cho các thành viên HĐQT khác: 7 triệu đồng/người/tháng.

Lương của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

**2.2. Đề xuất Thù lao, lương của Ban kiểm soát:**

Dự kiến tổng mức thù lao, lương của Ban kiểm soát năm 2024 là 2,35 tỷ đồng, trong đó thù lao cho Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 5 triệu đồng/người/tháng.

Lương của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách: Chi trả theo Quy chế lương và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

**2.3. Chi phí phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024:**

Để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sử dụng chi phí tuân thủ theo các Quy chế nội bộ mà Tổng Công ty ban hành. Dự kiến chi phí hoạt động 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: 2,5 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**

Số: 03 /BC-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Công trình Viettel.

Ban Điều hành Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (Nay gọi tắt là VCC) xin được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

### **I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

#### **1. Tổng quan về môi trường kinh doanh năm 2023:**

- Nền kinh tế thế giới năm 2023 trầm lắng với triển vọng tiêu cực, bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo như đại dịch Covid-19, chiến tranh, xung đột vũ trang và chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiềm chế lạm phát từ các nước lớn. Tăng trưởng kinh tế giảm còn 2,1-3% từ mức 3-3,5% năm 2022.
- Tại Việt Nam, nền kinh tế phục hồi chậm và mong manh, tỷ lệ doanh nghiệp rút khỏi thị trường rất cao (9 tháng đầu năm 2023 có 135.100 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2022), cải cách thể chế và môi trường kinh doanh chưa như kỳ vọng của doanh nghiệp, GDP tăng 5,05%, thấp hơn chỉ tiêu đề ra 6,5%.
- Thị trường bất động sản vẫn còn khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường năm 2022, dòng vốn, lãi suất vay tín dụng vẫn bị siết chặt, các chính sách của Nhà nước để thúc đẩy nền kinh tế có hiệu lực từ nửa cuối năm 2023, các doanh nghiệp đều tập trung vào các dự án có vốn đầu tư công, cạnh tranh lớn => vẫn còn rất nhiều khó khăn cho mảng Xây dựng dân dụng của Tổng Công ty để có thể có được tăng trưởng đột biến trong năm 2023.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong 2023 (không tính đến yếu tố về giá) tăng 7,1% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 8,5% trong giai đoạn trước Covid19 từ 2016-2019. Các doanh nghiệp bán lẻ đều chạy đua giảm giá để có được khách hàng trong bối cảnh sức mua yếu ớt của người tiêu dùng => Cạnh tranh rất gay gắt và khó khăn trong kinh doanh để đảm bảo lợi nhuận đối với mảng giải pháp tích hợp của Tổng Công ty.





- Tháng 5/2023, Chính phủ phê duyệt quy hoạch điện VIII nhưng chưa ban hành hướng dẫn và các chính sách liên quan => VCC chưa có đủ cơ sở pháp lý để thực hiện đầu tư các dự án mới và kinh doanh các giải pháp về Năng lượng mặt trời.

- Tình hình kinh doanh của Tập đoàn Viettel có nhiều thuận lợi: Viettel gia tăng đầu tư cho hạ tầng trạm viễn thông, tốc độ tăng hạ tầng và phát triển mới cố định băng rộng (CĐBR) duy trì ở mức 4-15% => VCC tăng được doanh thu từ các mảng truyền thống là xây lắp và vận hành khai thác là các mảng chủ chốt đem lại tỷ trọng doanh thu lớn chiếm 53% tổng doanh thu của Tổng Công ty; Viettel cũng định hướng VCC là hạt nhân triển khai hạ tầng viễn thông cho Viettel và tạo cơ hội cho VCC tiếp tục giữ vững vị trí TowerCo số 1 toàn quốc, gia tăng doanh thu và tài sản hạ tầng cho thuê.

- Nội tại VCC: Thành lập bộ phận Go Global mục tiêu mở rộng kinh doanh các lĩnh vực Giải pháp tích hợp và Xây dựng dân dụng ra nước ngoài; Thành lập Trung tâm Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật trên cơ sở sáp nhập trung tâm Giải pháp tích hợp và trung tâm Dịch vụ kỹ thuật bên cạnh đó cũng kiện toàn mô hình tại chi nhánh tỉnh/tp.

- Cùng với sự điều hành quyết liệt của Ban điều hành, sự đồng sức đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, VCC đã đạt được những kết quả như sau:

## 2. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

### - Chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất:

| TT        | Tên chỉ tiêu                           | TH 2022 | Năm 2023 |          |      | So với 2022 |        |
|-----------|--|---------|----------|----------|------|-------------|--------|
|           |  |         | KH       | TH       | %KH  | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính</b><br>(tỷ đồng) |         |          |          |      |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                         | 9.495,3 | 10.338,1 | 11.398,6 | 110% | 1.903,3     | 20,0%  |
| 2         | Tổng chi phí                           | 8.925,0 | 9.724,9  | 10.753,8 | 111% | 1.828,8     | 20,5%  |
| 3         | LNTT                                   | 570,3   | 613,2    | 644,8    | 105% | 74,5        | 13,1%  |
| 4         | LNST                                   | 455,2   | 487,0    | 515,9    | 106% | 60,7        | 13,3%  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>               |         |          |          |      |             |        |
| 1         | ROA (%)                                | 9,08%   | 9,20%    | 7,95%    | 86%  | -1,13%      | -12,5% |
| 2         | ROE (%)                                | 30,87%  | 28,00%   | 28,46%   | 102% | -2,41%      | -7,8%  |

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán)

### - Chỉ tiêu kế hoạch công ty mẹ:

| TT       | Tên chỉ tiêu                           | TH 2022 | TH 2023 |         |      | So với 2022 |       |
|----------|--|---------|---------|---------|------|-------------|-------|
|          |  |         | KH      | TH      | %KH  | Δ           | %     |
| <b>I</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính</b><br>(tỷ đồng) |         |         |         |      |             |       |
| 1        | Tổng doanh thu                         | 8.335,3 | 9.256,1 | 9.847,9 | 106% | 1.512,6     | 18,1% |
| 2        | Tổng chi phí                           | 7.789,8 | 8.666,6 | 9.225,5 | 106% | 1.435,7     | 18,4% |



| TT        | Tên chỉ tiêu             | TH 2022 | TH 2023 |        |      | So với 2022 |         |
|-----------|--------------------------|---------|---------|--------|------|-------------|---------|
|           |                          |         | KH      | TH     | %KH  | Δ           | %       |
| 3         | LNTT                     | 545,5   | 589,5   | 622,4  | 106% | 76,9        | 14,1%   |
| 4         | LNST                     | 439,2   | 471,6   | 500,3  | 106% | 61,1        | 13,9%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b> |         |         |        |      |             |         |
| 1         | ROA (%)                  | 9,39%   | 8,90%   | 8,32%  | 93%  | -1,07%      | -11,38% |
| 2         | ROE (%)                  | 30,53%  | 26,40%  | 28,71% | 109% | -1,82%      | -5,98%  |

- **Chỉ tiêu về hiệu quả tài chính:** Tình hình tài chính công ty an toàn, kinh doanh hiệu quả.

| TT | Chỉ tiêu (Hợp nhất)                  | Đơn vị tính | TH Năm 2022 | TH Năm 2023 | SS vs 2022 |
|----|--------------------------------------|-------------|-------------|-------------|------------|
| 1  | Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán      |             |             |             |            |
|    | - Hệ số thanh toán ngắn hạn          | Lần         | 1,21        | 1,24        | 102%       |
|    | - Hệ số thanh toán nhanh             | Lần         | 1,01        | 1,06        | 105%       |
| 2  | Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn               |             |             |             |            |
|    | - Hệ số nợ/Tổng tài sản              | Lần         | 0,73        | 0,71        | 98%        |
|    | - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu            | Lần         | 2,70        | 2,48        | 92%        |
|    | - Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản  | Lần         |             |             |            |
| 3  | Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động       |             |             |             |            |
|    | - Vòng quay hàng tồn kho             | Lần         | 12,58       | 12,94       | 103%       |
|    | - Vòng quay các khoản phải thu       | Lần         | 6,93        | 6,21        | 90%        |
|    | - Vòng quay các khoản phải trả       | Lần         | 18,84       | 18,92       | 100%       |
|    | - Doanh thu thuần/Tổng tài sản       | Lần         | 1,56        | 1,63        | 105%       |
| 4  | Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời        |             |             |             |            |
|    | - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | %           | 4,8%        | 4,6%        | 95%        |
|    | - Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | %           | 27,8%       | 25,9%       | 93%        |
|    | - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | %           | 7,5%        | 7,5%        | 99%        |

### 3. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 3.1. Những mặt đạt được

- Hoàn thành kế hoạch tất cả các chỉ tiêu SXKD với tốc độ tăng trưởng cao, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động (doanh thu đạt 110%KH, tăng trưởng 21,3%; lợi nhuận trước thuế đạt 105%KH, tăng trưởng 16%; thu nhập bình quân đạt 25,86 triệu/người/tháng, tương đương với thực hiện năm 2022).

- Các chỉ số tài chính đạt kế hoạch, đảm bảo ở mức an toàn (Dòng tiền ròng đạt 774,3 tỷ tăng trưởng 17% so với thực hiện năm 2022; Vốn chủ sở hữu tăng từ 1.637 tỷ lên 1.988 tỷ; Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu 2,48 lần).

- **Vận hành khai thác:** Đảm bảo chất lượng vận hành hạ tầng mạng lưới Viettel trong nước và nước ngoài (100% các KPIs đạt và tốt hơn target); Năng suất lao động theo hạ tầng tăng 2,4%-3,5% so với năm 2022; Doanh thu đạt 5.532 tỷ tăng trưởng 13% so với năm 2022.



- **Đầu tư hạ tầng cho thuê:** Năm 2023, hoàn thành đầu tư xây dựng và đồng bộ hạ tầng 2.150 trạm BTS, lũy kế sở hữu 6.436 trạm BTS; 2,45 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2.716 km truyền dẫn; 53 hệ năng lượng mặt trời ~ 16,87 MWp. Trở thành TowerCo lớn nhất tại Việt Nam (OCK đứng thứ 2 với 3.240 trạm BTS). Doanh thu đạt 435,4 tỷ, tăng trưởng 39% so với năm 2022.

- **Xây dựng:** Doanh thu đạt 3.538 tỷ, tăng 41% so với thực hiện N2022, ký ~ 2.100 tỷ các hợp đồng dự án lớn (điển hình: DA đồn/trạm biên phòng 200 tỷ, DA Casa Del Rio Hòa Bình > 200 tỷ; DA Luis Hoàng Mai 172 tỷ; DA trường liên cấp tại Hà Nam 89 tỷ...).

- Nghiên cứu, xúc tiến các hoạt động kinh doanh mang tính chiến lược: Hoạt động Go Global cạnh tranh ra toàn cầu như nghiên cứu, tiếp cận thị trường Úc, Hàn Quốc, Trung Đông và các nước VCC đang kinh doanh (Campuchia, Myanmar). Năm 2023 đã ký 02 hợp đồng thương mại cung cấp sản phẩm cơ khí cho cho đối tác Hàn Quốc, ký 01 hợp đồng xây dựng trụ sở Mytel tại Myanmar (tổng giá trị hơn 50 tỷ); Thực hiện đầu tư dự án cáp quang dọc cao tốc Bắc – Nam (triển khai giai đoạn 2024-2027 quy mô 56 tuyến ~ 3.559km).

### 3.2. Những nguy cơ, điểm cần cải thiện

Lĩnh vực đầu tư hạ tầng có tốc độ tăng trưởng 39% tuy nhiên chỉ hoàn thành 92% kế hoạch, doanh thu chỉ đạt 435,4 tỷ/kế hoạch 472 tỷ đồng do giảm doanh thu phần cho thuê tuyến cáp.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

### 1. Dự báo về môi trường kinh doanh

- Theo mục tiêu và dự báo của Chính phủ, năm 2024 nền kinh tế Việt Nam có thể sẽ tăng trưởng cao hơn (từ 6-6,5%). Tuy nhiên nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thậm chí còn nhiều hơn năm 2023: thị trường trái phiếu và bất động sản còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, các chính sách tiền tệ chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng, nhu cầu thị trường trong nước thu hẹp, chiến tranh, xung đột giữa các nước lớn ngày càng phức tạp và khó lường ảnh hưởng tới giá cả nguyên nhiên vật liệu và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Các chính sách thúc đẩy kinh tế của Nhà nước về thu hút nước ngoài, tháo gỡ khó khăn cho mảng bất động sản, tăng lương cơ sở cùng với kỳ vọng khởi sắc về thị trường bán lẻ sẽ đem lại cho VCC cơ hội tiếp tục tăng trưởng mảng xây dựng dân dụng và giải pháp, dịch vụ kỹ thuật.

- Bộ Giao thông vận tải chấp thuận Viettel triển khai thực hiện các tuyến ngầm dọc cao tốc Bắc – Nam => Cơ hội VCC đầu tư cáp ngầm dọc cao tốc.

- Tập đoàn Viettel đẩy mạnh kinh doanh các dịch vụ gắn liền với hộ gia đình, bổ sung hạ tầng mạng lưới sẵn sàng tất 2G và triển khai dịch vụ 5G => Cơ hội bổ sung nguồn việc cho các mảng vận hành khai thác, xây lắp viễn thông và đầu tư hạ tầng.

### 2. Chủ trương, định hướng kinh doanh năm 2024:

- Văn hóa doanh nghiệp trong Tổng Công ty đạt mức trưởng thành 5/5, mọi hoạt động kinh doanh phải dựa trên nền tảng văn hóa “Chất lượng” và “Lấy khách hàng làm trung tâm” tạo nên lợi thế cạnh tranh với các đối thủ.



- Đồng bộ chính sách tiền lương, thu nhập tại các cấp phải gắn với kết quả SXKD, tăng cường thực tế cả 2 chiều (trên – xuống; dưới – lên).
- Tiếp tục tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ, cải tiến công cụ và đầu tư công nghệ mới trong các hoạt động SXKD để hoàn thiện dịch vụ, tăng năng suất lao động đảm bảo tốc độ tăng trưởng bền vững của VCC:
  - o Vận hành khai thác: đảm bảo chủ động thực hiện các dịch vụ VHKT cho hạ tầng 5G ngay khi được đưa vào kinh doanh.
  - o Đầu tư hạ tầng: Mục tiêu 4.000 trạm xã hội hóa trong năm, bám chặt vào chiến lược 5G, nghiên cứu đánh giá để đưa ra các đề xuất, tư vấn cho Viettel về phương án triển khai đầu tư, nâng cấp, điều chỉnh thiết kế loại trạm phù hợp với xu hướng của thế giới.
  - o Xây dựng B2B: đánh giá khả năng và cơ hội cạnh tranh của VCC với các doanh nghiệp lớn trên thị trường (Top 3) để xác định mức độ tập trung nguồn lực cho lĩnh vực này.
  - o Xây dựng B2C: Đẩy mạnh chiến lược kinh doanh kiến trúc, nội thất, phủ rộng công trình tới mức xã.
  - o GP&DVKT: Nghiên cứu xây dựng cách thức bundle các dịch vụ của Viettel (tài chính, viễn thông, giải pháp tích hợp...), đóng gói thành hệ sinh thái hoàn chỉnh.

### 3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

#### 3.1. Chỉ tiêu hợp nhất

| TT        | Chỉ tiêu hợp nhất                   | TH 2023  | KH 2024  | So với 2023 |        |
|-----------|-------------------------------------|----------|----------|-------------|--------|
|           |                                     |          |          | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b> |          |          |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                      | 11.398,6 | 12.653,0 | 1.254,4     | 11,0%  |
| 2         | Tổng chi phí                        | 10.753,8 | 11.982,0 | 1.228,2     | 11,4%  |
| 3         | LNTT                                | 644,8    | 671,4    | 26,6        | 4,1%   |
| 4         | LNST                                | 515,9    | 531,7    | 15,8        | 3,1%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>        |          |          |             |        |
| 1         | ROA                                 | 7,95%    | 6,80%    | -1,2%       | -14,5% |
| 2         | ROE                                 | 28,46%   | 24,70%   | -3,8%       | -13,2% |

#### 3.2. Chỉ tiêu công ty mẹ

| TT        | Chỉ tiêu công ty mẹ                 | TH 2023 | KH 2024  | So với 2023 |        |
|-----------|-------------------------------------|---------|----------|-------------|--------|
|           |                                     |         |          | Δ           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)</b> |         |          |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu                      | 9.847,9 | 11.262,0 | 1.414       | 14,4%  |
| 2         | Tổng chi phí                        | 9.225,5 | 10.624,0 | 1.399       | 15,2%  |
| 3         | LNTT                                | 622,4   | 638,0    | 16          | 2,5%   |
| 4         | LNST                                | 500,3   | 509,2    | 9           | 1,8%   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả (%)</b>        |         |          |             |        |
| 1         | ROA                                 | 8,32%   | 7,00%    | -1,3%       | -15,9% |
| 2         | ROE                                 | 28,71%  | 24,70%   | -4,0%       | -14,0% |

3386  
 NG T  
 HÂN  
 TRINH  
 TEL  
 TP. H



#### **4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:**

- Thực hiện chiến lược Go Global: Ký hợp đồng kinh tế với 1-2 đối tác nước ngoài.
- Vận hành khai thác: Đảm bảo chất lượng mạng theo yêu cầu của chủ đầu tư, mục tiêu mở rộng tối thiểu 1 đối tác ngoài Tập đoàn.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh ngoài TĐ, doanh thu đạt 5.188 tỷ, tăng trưởng 17% so năm 2023.
- Giữ vững thị phần Towerco số 1 Việt Nam, tìm kiếm mặt bằng và triển khai thi công ĐBHT 4.000 vị trí mới, triển khai đầu tư hệ thống cáp quang tuyến đường cao tốc Bắc – Nam thi công xong giai đoạn 1 (389 km).
- Số 1 toàn quốc về độ phủ công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ gắn liền với thiết kế smart, xanh, nội thất và thiết bị gia dụng.
- Đa dạng hóa các dự án Xây dựng B2B, nhất là các dự án lớn, trọng điểm như hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển, các công trình giao thông, xây lắp và truyền tải điện, xây dựng các tòa nhà cao tầng ...
- Trở thành nhà phân phối toàn trình lớn nhất: Thiết kế giải pháp – Phân phối/OEM sản phẩm – Giao nhận – Lắp đặt – Bảo dưỡng/sửa chữa.

#### **5. Nhiệm vụ cụ thể các lĩnh vực:**

##### **5.1. Vận hành khai thác:**

- Triển khai chính thức phương án OFT (lực lượng kỹ thuật thuê ngoài) trên toàn quốc bao gồm cả OFT dây máy và nhà trạm).
- Đầu tư và sử dụng tối đa các công cụ phần mềm vào hỗ trợ lực lượng FT và phân tích số liệu đa chiều, tăng hiệu quả công việc.
- Xúc tiến hợp tác, khai thác nguồn việc từ các đối tác tiềm năng (Mobifone, FPT, CMC, VTV cab, Vingroup...).

##### **5.2. Đầu tư hạ tầng cho thuê:**

- Chuyển mảng xây lắp viễn thông sang Trung tâm ĐTHT quản lý, điều hành để đảm bảo tập trung và tối ưu nguồn lực.
- Tổ chức tiếp xúc các khách hàng có nhu cầu NLMT tại khu vực phía Nam là các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cơ sở kinh doanh tiêu thụ nhiều năng lượng, đánh giá hiệu quả để triển khai đầu tư.
- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào các công trình viễn thông nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản hoặc tối ưu chi phí đầu tư.

##### **5.3. Xây dựng:**

- Tổ chức, xây dựng cơ chế chính sách cho việc phát triển kênh bán hiệu quả, điều hành bám sát mục tiêu 5 hợp đồng xây dựng B2C/tỉnh/tháng.
- Đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm nội thất đưa vào công trình.
- Tham gia các dự án trọng điểm cấp quốc gia để lan tỏa thương hiệu VCC như Sân bay Long Thành, Dự án kho Miếu Môn, gói Dự án 500KV truyền tải điện, các dự án nhà cao tầng...
- Dịch chuyển về mặt mô hình: phát triển Chi nhánh Công trình thành doanh nghiệp có năng lực về xây dựng, khối trung tâm đóng vai trò GSM hỗ trợ, hướng dẫn tham gia thầu, tổ chức triển khai dự án.

##### **5.4. Giải pháp và dịch vụ kỹ thuật:**

- Quy hoạch sản phẩm, xây dựng chính sách bán hàng theo từng vùng, từng đối tượng khách hàng. Đẩy mạnh các chương trình marketing nhận diện thương hiệu aiosmart.
- Đảm bảo lực lượng kênh triển khai, bố trí tối thiểu 2 FT3/1 TTQH trọng điểm và tối thiểu 1 FT3/TTQH còn lại.
- Xây dựng hệ thống các trạm bảo hành trên toàn quốc, xử lý sự cố 24h.  
Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG**

C.T.C.P  
★  
LỚN



**PHỤ LỤC**  
**Thuật ngữ và các từ viết tắt**

| <b>Từ viết tắt</b> | <b>Diễn giải</b>                                     |
|--------------------|--|
| VCC                | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel              |
| TCT                | Tổng Công ty   |
| CNCT               | Chi nhánh Công trình Viettel Tỉnh/Thành phố          |
| TTQH               | Trung tâm Quận huyện                                 |
| SXKD               | Sản xuất kinh doanh                                  |
| LNTT               | Lợi nhuận trước thuế                                 |
| LNST               | Lợi nhuận sau thuế                                   |
| ROA (%)            | Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản bình quân   |
| ROE (%)            | Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu bình quân |
| ROS (%)            | Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng doanh thu           |
| VHKT               | Vận hành khai thác                                   |
| ĐTHT               | Đầu tư hạ tầng                                       |
| GPTH               | Giải pháp tích hợp                                   |
| XDDD               | Xây dựng dân dụng                                    |
| DVKT               | Dịch vụ kỹ thuật                                     |
| CĐBR               | Cổ định băng rộng                                    |
| NLMT               | Năng lượng mặt trời                                  |
| FT                 | Nhân viên kỹ thuật hiện trường                       |

Số: 04 /TTr-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Đề xuất chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị kính báo cáo ĐHĐCĐ về việc ký kết các hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023, Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023 và kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, cụ thể như sau:

#### I. Báo cáo ĐHĐCĐ hợp đồng, giao dịch năm 2023 và đầu năm 2024

Được sự đồng ý của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023 và Nghị quyết số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2023, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2023 và đầu năm 2024, cụ thể như sau:

#### 1. Báo cáo kết quả tham gia dự thầu 07 gói thầu cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026

❖ Số gói thầu trúng thầu: 6/7 gói thầu. Các nội dung chính trong các hợp đồng như sau:

- Đơn vị mà TCT thực hiện giao dịch: Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

- Phạm vi, nội dung công việc: Cung cấp dịch vụ VHKT nhà trạm, cố định băng rộng, kênh truyền.

- Giá trị hợp đồng theo kết quả trúng các gói thầu:

**Gói 1:** Gói thầu số 26\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc: 2.445.697.814.156 đồng.

**Gói 2:** Gói thầu số 27\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 15 tỉnh đồng bằng sông Hồng: 4.797.795.517.294 đồng.





**Gói 3:** Gói thầu số 28\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 10 tỉnh ven biển miền Trung: 2.233.233.944.483 đồng.

**Gói 4:** Gói thầu số 29\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 5 tỉnh Tây Nguyên: 1.176.710.408.677 đồng.

**Gói 5:** Gói thầu số 30\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 5 tỉnh Đông Nam Bộ: 1.901.139.055.455 đồng.

**Gói 6:** Gói thầu số 31\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: 3.295.943.136.328 đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 năm (2024 - 2026).
- Điều khoản khác: Theo mẫu biểu hợp đồng ban hành trong hồ sơ mời thầu, đính kèm tại Tờ trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội số 88/TTr-VCC ngày 05/12/2023.

**❖ Số gói thầu không trúng thầu: 1/7 gói thầu.**

**Gói 7:** Gói thầu số 32\_2023\_MSTX-OS, Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Hợp đồng, giao dịch có giá trị  $\geq$  35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất**

- Hợp đồng số 281201-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 14 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc. Giá trị hợp đồng: 2.445.697.814.156 đồng.
- Hợp đồng số 281202-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 15 tỉnh đồng bằng sông Hồng. Giá trị hợp đồng: 4.797.795.517.294 đồng.
- Hợp đồng số 281206-ĐTTS/VTT-VCC/2023 về việc Cung cấp dịch vụ thuê ngoài VHKT giai đoạn 2024-2026 tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Giá trị hợp đồng: 3.295.943.136.328 đồng.

**3. Hợp đồng, giao dịch mang tính chất thường xuyên, liên tục có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất**

- Năm 2023, tổng số các hợp đồng có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản/từng giao dịch của TCT đã được ký kết là 4.732 hợp đồng/giao dịch, với tổng giá trị 7.232.343.725.036 đồng. Quý I/2024, số hợp đồng có giá trị < 35% tổng tài sản đã được ký kết là 933 hợp đồng, với tổng giá trị là 510.703.784.857 đồng.

Chi tiết các giao dịch được Tổng Công ty công bố trong báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng/lần.

#### 4. Giá trị đem lại cho TCT

Vận hành khai thác năm 2023 đã mang lại cho TCT doanh thu 5.961,8 tỷ đồng (~51% doanh thu của TCT) góp phần giúp tạo điều kiện ổn định để TCT nghiên cứu, mở rộng, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới và đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và nguồn việc, thu nhập cho khoảng 11.000 người lao động.

## II. Đề xuất ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội năm 2025

### ❖ Hợp đồng, giao dịch có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất

Các hợp đồng, giao dịch mang tính chất thường xuyên, liên tục trong suốt 12 tháng/năm có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản và do việc tổ chức ĐHĐCĐ đề thông qua từng hợp đồng, giao dịch là bất khả thi. Chính vì vậy, kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận chủ trương cho phép giao kết tất cả hợp đồng, giao dịch có giá trị < 35% tổng giá trị tài sản với nội dung, phạm vi công việc tương tự, cụ thể như sau:

a) *Các đơn vị mà TCT thực hiện giao dịch:* Các chi nhánh của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc các công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chi phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty.

b) *Nội dung chủ yếu của các hợp đồng, giao dịch:* Xây dựng, sửa chữa, củng cố, nắn dịch di dời, chỉnh trang hạ tầng viễn thông; Ứng cứu thông tin; Thi công lắp đặt, củng cố, bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ di dời nhà trạm và vật tư thiết bị nhà trạm; Xây dựng dân dụng, sửa chữa, cải tạo kho; Hạ tầng cho thuê vị trí trạm; Mua bán hàng hóa và vật tư thiết bị viễn thông, điện tử, điện gia dụng, phụ kiện...; Mua bán dịch vụ khai thác mạng; Mua bán dịch vụ tư vấn thiết kế; Mua bán dịch vụ quảng cáo, truyền thông; Mua bán dịch vụ vận chuyển hàng hóa; và mua bán các hàng hóa, dịch vụ khác.

c) *Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch:* Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch < 35% tổng giá trị tài sản của TCT được ghi nhận trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

d) *Thời gian giao kết các hợp đồng, giao dịch:* Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.





### III. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc cho phép Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chủ động quyết định, triển khai ký kết hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan nêu trên theo đúng quy định và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về đối tượng, nội dung giao dịch với người có liên quan định kỳ 06 tháng/lần. Đồng thời Đại hội thông qua giao dịch với các bên liên quan được thuyết minh trong Báo cáo tài chính kiểm toán của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ báo cáo lại kết quả giao dịch có liên quan với Viettel tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: HĐQT. Quân 05.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐỖ MẠNH HÙNG**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ tình hình thực tế tại Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (“Tổng Công ty”) phê duyệt nội dung sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ:**

- Ngành nghề kinh doanh: loại bỏ mã ngành “3512: Truyền tải và phân phối điện” được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua tuy nhiên đây là ngành nghề độc quyền của Nhà nước nên không đăng ký được với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Làm rõ định nghĩa “địa chỉ liên lạc của cổ đông” và việc gửi thông báo mời họp tới cổ đông.

*Chi tiết như sau:*

| STT | Nội dung trong Điều lệ hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi/ bổ sung        | Lý do  |
|-----|---|--|--|
| 1.  | <b>Khoản 1 Điều 4: Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty:</b><br>- Ghi nhận ngành nghề mã 3512: Truyền tải và phân phối điện. | Loại bỏ ngành nghề mã 3512 khỏi Điều lệ. | Sửa đổi theo thực tế vì không đăng ký được với Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội. |






|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 2. | <p><b>Đoạn thứ nhất Điểm f khoản 6 Điều 16 quy định về “Triệu tập họp ĐHĐCĐ”:</b></p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.</p> | <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. <u>Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú/nơi làm việc của cá nhân; số điện thoại/thư điện tử (email) hoặc địa chỉ khác của tổ chức/cá nhân mà cổ đông đó đăng ký với công ty để làm địa chỉ liên lạc hoặc được lưu trữ và cung cấp bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.</u></p> | <p>-Làm rõ khái niệm địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p> <p>-Tạo điều kiện thuận lợi trong việc gửi thư mời, thông báo mời họp tới cổ đông trên thực tế.</p> |
| 3. | <p><b>Đoạn thứ hai Điểm f khoản 6 Điều 16 quy định về “Triệu tập họp ĐHĐCĐ”:</b></p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (<u>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ</u>)</p>                                 | <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (<u>tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ tới địa chỉ liên lạc của cổ đông bằng một trong các hình thức được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel</u>)</p>   | <p>-Bổ sung làm rõ theo tình hình thực tế.</p>   |

## 2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Bổ sung chi tiết các phương thức gửi thông báo mời họp cho cổ đông.

Chi tiết như sau:

| STT | Nội dung trong Quy chế hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi/ bổ sung   | Lý do   |
|-----|---|---|---|
| 1.  |  <p>Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 4<br/>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết</p> | <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo một trong các hình thức sau hoặc kết hợp các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc mà cổ đông cá nhân đã đăng ký;</u></li> <li>- <u>Gửi thư điện tử (email) hoặc gửi tin nhắn qua số điện thoại tới địa chỉ liên lạc của cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc đã đăng ký với công ty;</u></li> <li>- <u>Trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty, thông báo mời họp có thể được gửi tận tay tại nơi làm việc hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó.</u></li> </ul> <p>Thông báo mời họp đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán mà Tổng Công ty niêm yết.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cụ thể hóa các phương thức gửi thư/thông báo mời họp tới cổ đông;</li> <li>- Thực hiện chuyển đổi số, số hóa các hoạt động quản trị;</li> <li>- Thực hành ESG trong công tác quản trị doanh nghiệp: tiết kiệm và hạn chế chất thải ra môi trường.</li> </ul> |





**3. Tổ chức thực hiện:**

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng Công ty có trách nhiệm ban hành và công bố Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo đúng thẩm quyền, quy định.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



ĐỖ MẠNH HÙNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

ĐIỀU LỆ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL  
(Dự thảo)

Hà Nội, tháng năm 2024



## MỤC LỤC

|                 |   |    |
|-----------------|---|----|
| <b>Điều 1.</b>  | Giải thích thuật ngữ.....   | 3  |
| <b>Điều 2.</b>  | Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty .....            | 4  |
| <b>Điều 3.</b>  | Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty .....  | 4  |
| <b>Điều 4.</b>  | Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty.....  | 5  |
| <b>Điều 5.</b>  | Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty .....  | 11 |
| <b>Điều 6.</b>  | Vốn điều lệ, cổ phần.....   | 11 |
| <b>Điều 7.</b>  | Chứng nhận cổ phiếu.....  | 12 |
| <b>Điều 8.</b>  | Chứng chỉ chứng khoán khác.....   | 12 |
| <b>Điều 9.</b>  | Chuyển nhượng cổ phần.....  | 12 |
| <b>Điều 10.</b> | Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....   | 13 |
| <b>Điều 11.</b> | Quyền của cổ đông.....  | 13 |
| <b>Điều 12.</b> | Nghĩa vụ của cổ đông.....   | 16 |
| <b>Điều 13.</b> | Đại hội đồng cổ đông .....  | 17 |
| <b>Điều 14.</b> | Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....  | 17 |
| <b>Điều 15.</b> | Đại diện theo ủy quyền .....  | 18 |
| <b>Điều 16.</b> | Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 19 |
| <b>Điều 17.</b> | Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 21 |
| <b>Điều 18.</b> | Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 22 |
| <b>Điều 19.</b> | Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..                                      | 22 |
| <b>Điều 20.</b> | Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....   | 24 |
| <b>Điều 21.</b> | Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... | 25 |
| <b>Điều 22.</b> | Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 27 |
| <b>Điều 23.</b> | Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....  | 28 |
| <b>Điều 24.</b> | Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....   | 28 |
| <b>Điều 25.</b> | Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....   | 29 |
| <b>Điều 26.</b> | Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....  | 30 |
| <b>Điều 27.</b> | Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....   | 32 |
| <b>Điều 28.</b> | Chủ tịch Hội đồng quản trị.....   | 32 |
| <b>Điều 29.</b> | Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....  | 34 |
| <b>Điều 30.</b> | Biên bản họp Hội đồng quản trị .....  | 35 |
| <b>Điều 31.</b> | Người phụ trách quản trị công ty .....  | 36 |
| <b>Điều 32.</b> | Tổ chức bộ máy quản lý.....   | 37 |
| <b>Điều 33.</b> | Người điều hành Tổng Công ty.....   | 37 |
| <b>Điều 34.</b> | Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....   | 38 |
| <b>Điều 35.</b> | Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát .....  | 39 |

|                 |   |    |
|-----------------|---|----|
| <b>Điều 36.</b> | Thành phần Ban kiểm soát.....   | 39 |
| <b>Điều 37.</b> | Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....                                | 40 |
| <b>Điều 38.</b> | Cuộc họp của Ban kiểm soát.....   | 42 |
| <b>Điều 39.</b> | Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên. ....    | 42 |
| <b>Điều 40.</b> | Trách nhiệm cẩn trọng .....   | 43 |
| <b>Điều 41.</b> | Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....         | 43 |
| <b>Điều 42.</b> | Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                            | 43 |
| <b>Điều 43.</b> | Công khai các lợi ích liên quan.....                                    | 44 |
| <b>Điều 44.</b> | Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan | 45 |
| <b>Điều 45.</b> | Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....                                    | 46 |
| <b>Điều 46.</b> | Công nhân viên và công đoàn .....                                       | 47 |
| <b>Điều 47.</b> | Phân phối lợi nhuận.....  | 48 |
| <b>Điều 48.</b> | Tài khoản ngân hàng .....   | 49 |
| <b>Điều 49.</b> | Năm tài chính .....   | 49 |
| <b>Điều 50.</b> | Chế độ kế toán.....   | 49 |
| <b>Điều 51.</b> | Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....                             | 50 |
| <b>Điều 52.</b> | Báo cáo thường niên.....  | 50 |
| <b>Điều 53.</b> | Kiểm toán .....   | 50 |
| <b>Điều 54.</b> | Dấu của Tổng Công ty .....  | 50 |
| <b>Điều 55.</b> | Giải thể.....   | 51 |
| <b>Điều 56.</b> | Thanh lý.....   | 51 |
| <b>Điều 57.</b> | Giải quyết tranh chấp nội bộ.....                                       | 52 |
| <b>Điều 58.</b> | Điều lệ Tổng Công ty.....   | 52 |
| <b>Điều 59.</b> | Ngày hiệu lực .....   | 53 |



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2024.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Vốn điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

“**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

“**Luật Doanh nghiệp**” là luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

“**Luật Chứng khoán**” là luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

“**Ngày thành lập**” là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

“**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

“**Người quản lý doanh nghiệp**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định;

“**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

“**Người có quan hệ gia đình**” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

“**Tập đoàn**” là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội;

“**Tổng Công ty**” là Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

“**Công ty con**” là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mà Tổng Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó;

“**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

“**Việt Nam**” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

“**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty**

1. Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

- Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng Anh: Viettel Construction Joint Stock Corporation.

- Tên Tổng Công ty viết tắt: VIETTEL CONSTRUCTION

2. Tổng Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.6275.1785

- Fax: 024.6275.1783

- E-mail: viettelxct@viettel.com.vn

- Website: www.congtrinhviettel.com.vn

4. Tổng Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty**

1. Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:



Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam trên thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 nêu trên mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không ủy quyền cho người khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại Việt Nam hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

| STT | Mã ngành                | Tên ngành   |
|-----|-------------------------|---|
| 1.  | 2399                    | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu   |
| 2.  | 2431                    | Đúc sắt, thép   |
| 3.  | 2511                    | Sản xuất các cấu kiện kim loại  |
| 4.  | 2591                    | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại  |
| 5.  | 2592                    | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại  |
| 6.  | 2620                    | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính   |
| 7.  | 2630                    | Sản xuất thiết bị truyền thông  |
| 8.  | 2731                    | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học   |
| 9.  | 2732                    | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác  |
| 10. | 2733                    | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại   |
| 11. | 3314                    | Sửa chữa thiết bị điện  |
| 12. | 4311                    | Phá dỡ  |
| 13. | 4312                    | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)   |
| 14. | 4321                    | Lắp đặt hệ thống điện   |
| 15. | 4329                    | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, thang cuốn, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời, công trình điện gió |
| 16. | 4330                    | Hoàn thiện công trình xây dựng  |
| 17. | <b>4390<br/>(Chính)</b> | <b>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</b><br><b>Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông</b>  |
| 18. | 4651                    | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)  |
| 19. | 4652                    | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)   |



|     |      |  |
|-----|------|--|
| 20. | 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)<br>- Bán buôn thang máy, thang cuốn.   |
| 21. | 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)   |
| 22. | 4752 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)  |
| 23. | 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ   |
| 24. | 6110 | Hoạt động viễn thông có dây  |
| 25. | 6120 | Hoạt động viễn thông không dây   |
| 26. | 6190 | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;  |
| 27. | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng)  |
| 28. | 7120 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá) |
| 29. | 9512 | Sửa chữa thiết bị liên lạc   |
| 30. | 0510 | Khai thác và thu gom than cứng   |
| 31. | 0520 | Khai thác và thu gom than non  |

|     |      |  |
|-----|------|--|
| 32. | 0710 | Khai thác quặng sắt  |
| 33. | 0722 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt   |
| 34. | 0810 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét  |
| 35. | 0891 | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón   |
| 36. | 0892 | Khai thác và thu gom than bùn  |
| 37. | 0893 | Khai thác muối   |
| 38. | 1104 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng  |
| 39. | 2410 | Sản xuất sắt, thép, gang   |
| 40. | 2395 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao  |
| 41. | 2432 | Đúc kim loại màu   |
| 42. | 4101 | Xây dựng nhà để ở  |
| 43. | 4102 | Xây dựng nhà không để ở  |
| 44. | 5012 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương  |
| 45. | 5022 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa  |
| 46. | 4211 | Xây dựng công trình đường sắt  |
| 47. | 4212 | Xây dựng công trình đường bộ   |
| 48. | 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)   |
| 49. | 5224 | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)   |
| 50. | 4221 | Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Luật Điện lực 2004 và Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)  |
| 51. | 5229 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải (trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải)<br><br>Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật |
| 52. | 4222 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước  |
| 53. | 4223 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc   |
| 54. | 4229 | Xây dựng công trình công ích khác  |



|     |      |  |
|-----|------|--|
| 55. | 4741 | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)  |
| 56. | 4291 | Xây dựng công trình thủy   |
| 57. | 4292 | Xây dựng công trình khai khoáng  |
| 58. | 4293 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo  |
| 59. | 4759 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)   |
| 60. | 5820 | Xuất bản phần mềm  |
| 61. | 4299 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác   |
| 62. | 6201 | Lập trình máy vi tính  |
| 63. | 4322 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  |
| 64. | 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê công trình, máy móc, thiết bị, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng cơ điện, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng khác  |
| 65. | 6202 | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính  |
| 66. | 0990 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác  |
| 67. | 6209 | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính  |
| 68. | 6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và BHXH)   |
| 69. | 7110 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư;<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy;<br>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Tư vấn quản lý, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công công trình điện;<br>- Khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý, tư vấn giám sát thi công công trình thang máy, thang cuốn. |
| 70. | 7710 | Cho thuê xe có động cơ   |
| 71. | 7820 | Cung ứng lao động tạm thời (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)   |

|     |      |  |
|-----|------|--|
| 72. | 7830 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)   |
| 73. | 8020 | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn   |
| 74. | 8129 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt  |
| 75. | 9521 | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng   |
| 76. | 9522 | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình  |
| 77. | 3312 | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết:<br>- Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy chữa cháy;<br>- Bảo dưỡng, sửa chữa thang máy, thang cuốn  |
| 78. | 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá và trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) |
| 79. | 7490 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy  |
| 80. | 3511 | Sản xuất điện<br>Chi tiết:<br>Sản xuất và kinh doanh mua bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện)  |
| 81. | 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử.<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.   |
| 82. | 3600 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước  |
| 83. | 3700 | Thoát nước và xử lý nước thải  |
| 84. | 3320 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp  |
| 85. | 2816 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.<br>Chi tiết:<br>Sản xuất thang máy, thang cuốn (không hoạt động tại trụ sở).  |
| 86. | 4799 | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ thang máy, thang cuốn.  |

## 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

Tập trung hoạt động vào lĩnh vực vận hành khai thác và xây lắp các công trình viễn thông; áp dụng công nghệ mới, hiện đại vào quá trình quản lý, vận hành, ứng cứu thông tin và trong lĩnh vực thi công, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;



kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông; nâng cao môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của Tập đoàn và của đất nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty**

Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.143.858.790.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn một trăm bốn mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng.

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 114.385.879 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định của luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác hoặc các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức



được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

5. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Tổng Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Tổng Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế theo quy định của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin liên quan về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;

h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác trong trường hợp tại khoản 3.1 dưới đây.

3.1. Các trường hợp có quyền khởi kiện:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng Công ty được tính vào chi phí của Tổng Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

(i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

(ii) Theo quy định tại Điều 16.5 Điều lệ này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông



là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

### **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức được quy định tại Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
  - m) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
  - n) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - o) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - p) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - q) Quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị không có đủ điều kiện biểu quyết.
  - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính năm hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Đại diện theo ủy quyền**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức



khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 12.6 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp dưới đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 16. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy

định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định Điều 11.4.d Điều lệ này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 11.4.d Điều lệ này;

(ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này;

(iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang khoán mà Tổng Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. Địa chỉ liên lạc của cổ đông là một trong các loại thông tin: địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú/nơi làm việc của cá nhân; số điện thoại/thư điện tử (email) hoặc địa chỉ khác của tổ chức/cá nhân mà cổ đông đó đăng ký với công ty để làm địa chỉ liên lạc hoặc được lưu trữ và cung cấp bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ tới địa chỉ liên lạc của cổ đông bằng một trong các hình thức được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

(i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

(ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Phiếu biểu quyết.

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

### **Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần



được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ

tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

2. Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

2.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu



bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 16.6.a Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 16.6.f Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.



Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 20.6 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);

f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ này. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

#### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và đảm bảo tỷ lệ số thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuân thủ quy định đối với công ty niêm yết. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

### **Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;



e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;

y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng Công ty. Thư ký Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;



d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng

quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.



3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
  - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành Tổng Công ty**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng Công ty, Kiểm soát viên của Tổng Công ty và Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty

thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;



d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

7. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành

khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

### **Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**



1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra kể cả sau khi đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

#### **Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Tổng Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Tổng Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Tổng Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Tổng Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Tổng Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

## **XI. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

### **Điều 44. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị

quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

c) Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 20 của Điều lệ.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Tổng Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Ngoài các quy định tại Điều này, khi Tổng Công ty thực hiện các giao dịch với cổ đông, người quản lý Tổng Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải tuân thủ các quy định khác có liên quan của pháp luật.

## **XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

### **XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 46. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các



chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

#### **XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

##### **Điều 47. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ của Tổng Công ty theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo

ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 48. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

### **Điều 49. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

### **Điều 50. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng Công ty tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định pháp luật. Việc tổ chức bộ máy kế toán, ghi chép kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty phải tuân thủ theo Luật Kế toán, Chuẩn mực Kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

3. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

4. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu

trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 52. Báo cáo thường niên**

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 53. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

## **XVIII. DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 54. Dấu của Tổng Công ty**

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định nội bộ của Tổng Công ty.

## **XIX. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ**

### **Điều 55. Giải thể**

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 56. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;



- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Tổng Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ Tổng Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều

lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

## **XXII. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel nhất trí thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty./.**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số .../NQ-VCC-  
ĐHĐCĐ ngày 24/04/2024)*

(Dự thảo)

*Hà Nội, tháng 04 năm 2024*

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-VCC-ĐHĐCD ngày 24 tháng 04 năm 2024.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm các nội dung sau:

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty bao gồm những nội dung chính sau:

- a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- d) Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:



- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- e) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.

2. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019.

3. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị quy định.

4. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

5. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

6. “Người phụ trách quản trị công ty” là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.

7. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

## **Chương II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

2. Đại hội đồng có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- o) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- p) Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- q) Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- r) Quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị không có đủ điều kiện biểu quyết.
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

##### ***1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông***

1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Khoản 1.1.b Điều này hoặc nhận được

yêu cầu triệu tập họp quy định tại Khoản 1.1.c và Khoản 1.1.d Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

## ***2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp***

2.1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

## ***3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông***

3.1. Tổng Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

## ***4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông***

4.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo một trong các hình thức sau hoặc kết hợp các hình thức sau:

- Chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc mà cổ đông cá nhân đã đăng ký;

- Gửi thư điện tử (email) hoặc qua tin nhắn số điện thoại tới địa chỉ liên lạc của cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc đã đăng ký với công ty;

- Trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty, thông báo mời họp có thể được gửi tận tay lại nơi làm việc hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó.

Thông báo mời họp đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán mà Tổng Công ty niêm yết.

4.2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết.

### **5. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.



5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5.2 Điều này.

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 11.4 Điều lệ.

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### ***6. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông***

6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 12.6 Điều lệ Tổng Công ty.

6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

### ***7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông***

7.1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Tổng Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

### ***8. Điều kiện tiến hành***

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

8.4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

### ***9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

### ***10. Cách thức bỏ phiếu***

10.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

10.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

### ***11. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu***

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội.

### ***12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua***

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 12.1 Điều này.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

12.4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### ***13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông***

13.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại 20.6 Điều lệ Tổng Công ty.
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

13.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

#### **14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

#### **15. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Việc công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**



1. Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

2. Trình tự, thủ tục thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết thực hiện công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán .

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

2.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

Cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (gọi chung là “họp ĐHĐCĐ thông qua phương thức điện tử”). Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế hướng dẫn cụ thể về việc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương thức điện tử. Quy chế này phải được gửi cho các cổ đông kèm theo tài liệu dự họp.

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương thức điện tử, lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, gửi thông báo mời họp, tài liệu kèm theo và chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự thông qua phương thức điện tử

2.1. Xác nhận tư cách cổ đông

Tổng Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo nội dung hướng dẫn và xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng Công ty phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội.

2.2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Tổng Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Tổng Công ty nêu tại Khoản 2.1 của Điều này.

Ban Tổ chức đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Tổng Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống của Tổng Công ty. Kết quả bỏ phiếu của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử của Tổng Công ty.

Khi phát hiện thấy tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ, cổ đông phải thông báo ngay cho Tổng Công ty để kịp thời thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro xảy ra do lỗi của cổ đông. Tổng Công ty không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không kịp thời xử lý sự cố do lỗi của cổ đông.

Ban Tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập cũng như trong suốt quá trình tham gia cuộc họp và bỏ phiếu điện tử.

2.3. Đăng ký tham dự Đại hội thông qua phương thức điện tử:

a) Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập đã được Ban Tổ chức cung cấp để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Tổng Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Tổng Công ty.

b) Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

2.4. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội theo phương thức điện tử:

a) Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi phản hồi về Tổng Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.

b) Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Khoản 2.3 Điều này.

3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo phương thức điện tử áp dụng như điều kiện tiến hành đại hội đồng cổ đông theo phương thức họp trực tiếp.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo phương thức điện tử được thông qua dưới hình thức biểu quyết bằng cách bỏ phiếu điện tử và đảm bảo điều kiện theo Khoản 12 Điều 4 Quy chế này.

5. Cách thức bỏ phiếu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức điện tử được thực hiện theo Quy chế hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành áp dụng cho từng phương thức được gửi kèm tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông. Quy chế này phải được các cổ đông bỏ phiếu thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức điện tử.

5.1. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào Hệ thống theo hướng dẫn đã gửi kèm thông báo mời họp để thực hiện biểu quyết.

5.2. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức được quy định trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

5.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông.

5.4. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số điện thoại liên hệ theo thông báo của Tổng Công ty để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

6. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết. Việc kiểm phiếu được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các Nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.



8. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 14, 15 Điều 4 của Quy chế này.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với thông qua phương thức điện tử**

Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với thông qua phương thức điện tử theo cách thức nêu tại Điều 4 và Điều 6 của Quy chế này. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể hướng dẫn chi tiết thêm một số vấn đề liên quan tại Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung chính về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến bao gồm:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, gửi thông báo mời họp, tài liệu kèm theo và chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 của Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

2.1. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

2.2. Cổ đông đăng ký tham gia có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp.

2.3. Trước khi khai mạc cuộc họp phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thực hiện phù hợp với hình thức đăng ký tham dự.

4. Điều kiện tiến hành họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số cổ đông và người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và thông qua phương thức điện tử đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này.

Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức phải bố trí thêm các thiết bị điện tử hiện đại, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn cho các cổ đông khác tham dự trực tuyến theo dõi và phát biểu ý kiến, đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các cổ đông.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết bằng cách bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp (đối với cổ đông đăng ký tham dự họp trực tiếp) và biểu quyết điện tử (đối với cổ đông đăng ký họp thông qua phương thức điện tử).

## 6. Cách thức bỏ phiếu

6.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức (i) giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, (iii) biểu quyết thông qua phương thức điện tử điện tử khác.

6.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến hoặc truy cập vào tài khoản do Tổng Công ty cung cấp sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

6.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông.

6.4. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu (trực tiếp và trên hệ thống) để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về đường dây nóng theo thông báo của Tổng Công ty để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

## 7. Cách thức kiểm phiếu

a) Đối với cổ đông tham dự họp trực tiếp: Khi tiến hành biểu quyết trực tiếp tại đại hội, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ phản đối được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ tán thành hay phản đối để quyết định. Đối với các vấn đề cần bỏ phiếu kín: các cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

b) Đối với cổ đông tham dự họp thông qua phương thức điện tử: Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu điện tử trên hệ thống họp thông qua phương thức điện tử.

c) Ban kiểm phiếu tiến hành tại một phòng riêng. Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong toàn bộ số phiếu.

8. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

9. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 4 của Quy chế này.

### **Chương III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty hoặc một giá trị khác theo nghị quyết phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị từng thời kỳ; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tùy từng thời kỳ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

p) Phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ điều hành trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị;

q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty;

r) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;

s) Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng Công ty;

t) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty;

u) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

v) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

x) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty;

y) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 3 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên



độc lập Hội đồng quản trị của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

## 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

### b) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

iii. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

iv. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

v. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

i. Không phải là người đang làm việc cho Tổng Công ty, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc công ty con của Tổng Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng Công ty, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc công ty con của Tổng Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng Công ty; là người quản lý của Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty;

iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

d) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

3.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### 4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Tổng Công ty có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.

### 6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

6.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

6.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 6.1 và khoản 6.2 Điều này.

6.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

7.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty (nếu có);

f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có)

7.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

8.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

8.3 Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

#### **Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2.1 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

### 3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

3.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

### 4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### 6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

6.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

6.5. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức họp kết hợp một hoặc một số các hình thức nêu trên.



## 7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## 8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

## 9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

9.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

9.2. Thời gian, địa điểm họp.

9.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

9.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

9.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

9.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

9.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

9.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

9.9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.

## 10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản từ 9.1 đến 9.8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

11. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## 12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

13. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

### 1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

1.1. Người phụ trách quản trị công ty của Tổng Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

1.2. Người phụ trách quản trị công ty của Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty.

### 2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.

### 3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

3.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3.2. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

3.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

### 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

### 5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

5.4. Tham dự các cuộc họp;

5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

5.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

5.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;

5.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.4 Điều lệ Tổng Công ty.

1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại 11.4 Điều lệ Tổng Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

1.14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1.18. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

1.19. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

1.20. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

1.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty.

2.3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1 đến 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

##### **1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát**

1.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

##### **2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

2.4. Không phải là người quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

2.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (“Tập đoàn”); người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;

2.6. Không thuộc các trường hợp sau:



a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

### 3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) thành viên.

3.2. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### 4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

### 5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

#### 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

#### 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

## **Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

2.5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

2.7. Tuyển dụng lao động;

2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

1.1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

1.2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng Công ty, Kiểm soát viên của Tổng Công ty và Tập đoàn; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tập đoàn, người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại Tổng Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

5.1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

5.2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **Chương VI**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

#### **Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

##### **1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.**

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

1.4. Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải lập thành biên bản và gửi về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.

##### **2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

##### **3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

- a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người điều hành khác;
- b) Ban kiểm soát;

4.2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 4.1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội

đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 4.1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

5.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu.

5.2. Tổng Giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: các quyết định trong quá trình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, đầu tư, hoạt động quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Nghị quyết Phân cấp thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Tổng Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác

5.3. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị.

5.4. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

7.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.



## 7.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Tổng Công ty.

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát

Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

## 7.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Tổng Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 18. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác**

Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác của Tổng Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.

### **Điều 19. Xử lý vi phạm về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Tổng Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành

chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Tổng Công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 20. Công bố thông tin**

1. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Tổng Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Tổng Công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

#### **Điều 21. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

#### **Điều 22. Ngày hiệu lực**

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel bao gồm 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2024 tại Hà Nội./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Mạnh Hùng**

Số: 06 /BC-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản có liên quan;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty;  
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;  
Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng và hợp nhất của Tổng công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

**PHẦN A: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**I. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023**

**1) Tổ chức bộ máy**

- Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty, theo Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020, bao gồm:

- |                        |                     |                  |
|------------------------|---------------------|------------------|
| 1) Ông: Ngô Quang Tuệ  | - Cử nhân Tài chính | - Trưởng ban     |
| 2) Ông: Phạm Hồng Quân | - Thạc sỹ Kế toán   | - Kiểm soát viên |
| 3) Bà : Mai Thị Anh    | - Cử nhân Kế toán   | - Kiểm soát viên |

**2. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên**

**2.1. Công tác tổ chức các cuộc họp, điều hành**

❖ Tổ chức các cuộc họp theo quy định:

+ Năm 2023 tổ chức: 05/05 cuộc họp theo quy định của pháp luật (có nội dung cụ thể trong báo cáo quản trị của TCT năm 2023).

❖ Công tác điều hành:

- + Phân công nhiệm vụ theo chuyên môn, lĩnh vực và bám sát kế hoạch;
- + Giám sát chuyên sâu theo các chuyên đề, lĩnh vực có tiềm ẩn rủi ro cao;
- + Triển khai nội dung theo kế hoạch đã thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2023;
- + Đẩy mạnh hoạt động đi kiểm tra thực tế tại các đơn vị.

❖ Mục tiêu:

- + Bám sát kế hoạch, nhận diện nhanh, cảnh báo kịp thời.
- + Mọi hoạt động của Tổng công ty được tuân thủ và thượng tôn pháp luật.

**2.2. Kết quả các hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2023, các thành viên và Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ, thượng tôn các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy



chế, quy trình của Tổng công ty trong công tác điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, như sau:

- Triển khai giám sát theo Kế hoạch hoạt động năm 2023 đã thông qua.
- Giám sát tuân thủ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT/BĐH: kết quả kinh doanh, tài chính, tổ chức mô hình, pháp lý đầu tư, đảm bảo mọi hoạt động phải thực hiện tuân thủ và thượng tôn pháp luật.
- Làm việc với Công ty kiểm toán độc lập về kiểm toán các Báo cáo tài chính, đề nghị báo cáo, giải trình các khuyến nghị của kiểm toán.
- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, họp nhất trước và sau kiểm toán quý/6 tháng/năm; nhằm đánh giá bức tranh kinh doanh, tài chính thông qua các chỉ số hoạt động, hiệu quả và tài chính.
- Giám sát việc ban hành sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Tổng Công ty theo cấp thẩm quyền. Giám sát tính pháp lý các nghị quyết của Hội đồng quản trị, pháp lý triển khai hoạt động kinh doanh.
- Giám sát 06 chuyên đề: (1) Công tác quản lý tài chính: quản lý công nợ; (2) Đánh giá kết quả kinh doanh tài chính lĩnh vực Xây dựng dân dụng B2B; (3) Công tác quản lý tài sản, vật tư, hàng hóa, kho và công dụng cụ; (4) Công tác lao động tiền lương; (5) Hiệu quả kinh doanh các lĩnh vực 6 tháng đầu năm 2023; (6) Website thương mại điện tử và Luật bảo vệ người tiêu dùng số 59/2010/QH12.
- Kiểm tra giám sát tại 12 đơn vị theo kế hoạch của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp sơ kết, tổng kết Ban Tổng Giám đốc, phát biểu đề xuất, kiến nghị thông qua kết quả giám sát.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin, các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan và việc khắc phục các kết luận thanh kiểm tra => chưa phát hiện các trường hợp nào vi phạm quy định.
- Nâng cao năng lực giám sát thông qua các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu: quản trị tài chính, đầu tư, ...

### **3. Đánh giá chung kết quả hoạt động của các thành viên trong Ban kiểm soát**

#### **\* Đánh giá kết quả chung:**

Hoạt động giám sát có tính chuyên sâu thông qua các chuyên đề giám sát, nhận diện được các vấn đề chính xác, kiến nghị kịp thời; các ý kiến đề xuất có tính hệ thống, hiệu quả giúp cho HĐQT/BĐH ra quyết định kịp thời;

=> Các thành viên BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo tính độc lập, tuân thủ Quy chế hoạt động, hiện chưa có thành viên nào vi phạm quy chế.

**3. Hạn chế:** hoạt động pháp lý chưa có nhân sự có chuyên môn chuyên sâu, chưa đánh giá hiệu quả triển khai mô hình tổ chức, hiệu quả các dự án đầu tư, chi phí khoán,...

#### **4. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

Chi trả, nhận thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện đúng định mức đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2023: 2,223 tỷ đồng.

## **II. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT**



## 1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty

- Năm 2023 là năm liên tiếp Tổng Công ty gặt hái nhiều thành công, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động và các chỉ tiêu tài chính, luôn đảm bảo tốc độ tăng trưởng hai con số bền vững và bảo toàn vốn, thông qua số liệu báo cáo hợp nhất cụ thể (*được phân tích tại mục 5.2 của Báo cáo*).

- Công tác điều hành: Tổng giám đốc Ủy quyền theo cấp quản lý, phân công nhiệm vụ chi tiết theo lĩnh vực chủ trì, phụ trách các đầu mối khối cơ quan và đơn vị Chi nhánh công trình Tỉnh/tp.

- Khối quản lý tập trung vào xây dựng: “con người”, “quy trình”, “công nghệ”, “quản trị”.

- Xây dựng mô hình hạch toán quản trị tại các Trung tâm, Chi nhánh nhằm giúp các đơn vị tự đánh giá được kết quả kinh doanh, ra quyết định kịp thời.

- Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh bám sát Chiến lược kinh doanh giai đoạn (2021-2025), xây dựng “Tầm nhìn – Sứ mệnh - mục tiêu” cụ thể cho từng giai đoạn giúp Công ty tăng trưởng đột phá trong các năm tiếp theo.

- Công tác quản trị rủi ro được Tổng công ty luôn coi trọng, đề cao, xây dựng 03 tuyến phòng vệ;

- Ứng dụng công nghệ đưa phần mềm IOC phần mềm giám sát tiến độ công trình tập trung; Bi/IOC Báo cáo kinh doanh giám sát dữ liệu tập trung; ... hệ thống cải tiến quy trình Lean six sigma; hệ thống ISO 31000 về quản trị rủi ro và hệ thống BI&DW phân tích điều hành.

## 2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị/Ban Tổng giám đốc

### a. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị

- *Tổ chức bộ máy nhân sự*

+ Đảm bảo đủ 05/05 thành viên theo quy định của pháp luật.

- *Tổ chức các cuộc họp theo thẩm quyền*

• *Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023: thực hiện họp thông qua 2 hình thức (offline & online), với tỷ lệ cổ đông tham gia biểu quyết, tán thành các nội dung > 99% như “các báo cáo và tờ trình của HĐQT/BĐH/BKS/KTT với tổng số 10 nội dung”;*

• *Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ: nội dung điều chỉnh phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sang phương án chi trả bằng tiền mặt và Hợp đồng với các bên liên quan chấp thuận giao dịch với cổ đông Tập đoàn Viettel.*

• *Tổ chức các cuộc họp của HĐQT:*

+ *Họp HĐQT theo hình thức trực tiếp 04/04 cuộc có Ban kiểm soát tham gia dự, báo cáo, phát biểu.*

+ *Họp hình thức xin ý kiến bằng văn bản: 05/05 lượt lấy ý kiến bằng văn bản đảm bảo tuân thủ quy định.*

⇒ *Đánh giá: Các cuộc họp có nội dung cụ thể, tập trung vào chiến lược, kết quả kinh doanh, giao chi tiêu, chính sách, giải quyết các vướng mắc kịp thời.*

- *Công tác triển khai và pháp lý hoạt động:*

+ *Ra nghị quyết chi trả cổ tức bằng tiền 10% cho cổ đông hiện hữu.*

*N*

0104  
TỔNG  
C  
CÓN  
V  
BA Đ



- + Đi thực tế kiểm tra tại 04 đơn vị về tình hình kinh doanh, tài chính.
- + Tuân thủ Nghị quyết, Điều lệ, Quy chế, đảm nhiệm tốt vai trò với tư cách là người đại diện vốn và lợi ích của Tổng công ty và cổ đông.

+ Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, mua sắm.

**- Hoạt động ban hành văn bản và công bố thông tin:**

- + Ban hành văn bản: ban hành (25 Nghị quyết/Quyết định, 09 Biên bản).
- + Hoạt động công bố thông tin 31 nội dung theo quy định pháp luật (có 11 nội dung định kỳ và 20 nội dung bất thường).

**- Nâng cao hoạt động quản trị công ty đại chúng**

- + Tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ quản lý, quản trị công ty.
- + Đẩy mạnh hoạt động quản trị rủi ro thông qua bộ máy, khung quản trị.
- + Tiếp xúc nhà đầu tư/cổ đông: Ngoài phiên tổ chức ĐHCĐ thường niên, TCT có 05 buổi gặp mặt quỹ đầu tư với sự tham gia của gần 50 quỹ đầu tư trên toàn cầu. Ngoài ra, bộ phận IR duy trì kênh thường xuyên tiếp nhận và giải đáp thắc mắc cổ đông.

+ Xây dựng kế hoạch nâng cao quản trị công ty đại chúng tích hợp ESG, mục tiêu đến năm 2025 đạt: *nhóm quản trị công ty, giải báo cáo thường niên bình chọn của doanh nghiệp niêm yết (hàng năm); xác định lộ trình vào top 20 doanh nghiệp thuộc bộ chỉ số (VNSI) Hose; danh sách các doanh nghiệp bền vững tại Việt nam (SCI) do VCCI phối hợp các Bộ tổ chức.*

Những hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đánh giá

**b. Kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc**

**- Điều hành, tuân thủ Nghị quyết và thực thi chiến lược**

Năm 2023, thế giới nói chung được dự báo còn nhiều khó khăn tiềm ẩn do hậu dịch bệnh, chiến tranh, thất nghiệp, đứt chuỗi cung ứng toàn cầu. Đứng trước thách thức đó, Ban lãnh đạo đã chủ động tìm giải pháp, triển khai hoàn thành xuất sắc vượt chỉ tiêu kế hoạch, tăng trưởng hai con số bền vững, cũng là năm đầu tiên Tổng công ty đạt vượt mốc doanh thu trên 10 ngàn tỷ đồng, được Tập đoàn đánh giá cao và biểu dương.

**- Thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết**

+ nỗ lực điều hành mọi hoạt động kinh doanh bám sát Nghị quyết và kế hoạch đề ra; kết quả năm 2023 đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính:

- Tổng doanh thu đạt: 11.399 tỷ đồng, vượt 1.061 tỷ đồng ~ vượt 10,3% so với nghị quyết, tăng 1.904 tỷ đồng ~ 20% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 645 tỷ đồng, vượt 32 tỷ đồng ~ 5,2% so với nghị quyết, tăng 75 tỷ đồng ~ tăng 13,1% so với năm 2022;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 516 tỷ đồng, vượt 29 tỷ đồng ~ 5,9% so với nghị quyết, tăng 61 tỷ đồng ~ tăng 13,3% so với năm 2022;
- Chỉ tiêu hiệu quả:
  - ROA đạt 8% đạt 97% nghị quyết, giảm 1,1% so với năm 2022, do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản nhanh hơn tốc độ tăng LNST nên chỉ tiêu này giảm so với năm 2022 và thấp hơn chỉ tiêu ĐHCĐ giao.
  - ROE đạt 28,5% vượt 0,5% ~ 1,6% so với nghị quyết, giảm 2,4% so với năm 2022.



+ Tổng công ty đã dành được 16 danh hiệu giải thưởng trong nước và quốc tế uy tín: Top 50 công ty niêm yết tốt nhất; giải chuyên đổi số Việt nam; Giải nơi làm việc tốt nhất Việt nam; Giải internation Business award;...

- **Hoạt động quản lý, quản trị**

+ Nâng cao năng lực quản lý cho các cấp quản lý, xây dựng lực lượng cán bộ nguồn các cấp, các lĩnh vực về nghiệp vụ quản lý, quản trị.

+ Ứng dụng số hóa vào các lĩnh vực quản lý thông qua hoạt động chuyển đổi số, mục tiêu nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian, tăng hiệu quả, nhằm đáp ứng với chiến lược phát triển.

+ Xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro với 03 tuyến phòng thủ; Ban hành các quy trình, quy định, KPI đưa vào hệ thống kiểm soát, đánh giá chất lượng, nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả.

- **Kiến toàn mô hình tổ chức**

+ Sáp nhập lĩnh vực kinh doanh Dịch vụ kỹ thuật và lĩnh vực Giải pháp tích hợp nhằm tạo thành một hệ sinh thái kinh doanh hoàn chỉnh, có tính cạnh tranh cao;

+ Thành lập/Đổi tên 02 trung tâm xây dựng dân dụng B2B và B2C tạo thành hệ sinh thái có tính cạnh tranh cao và có tính chuyên sâu.

+ Tổ chức kinh doanh theo hệ sinh thái khép kín "*Tư vấn-Thiết kế-Xây dựng-Cung cấp thiết bị-Vận hành-Tối ưu*" đã cho thấy mang lại hiệu quả, có tính chuyên nghiệp cao.

- **Xây dựng thương hiệu, chiến lược văn hóa doanh nghiệp**

+ Xây dựng thương hiệu các sản phẩm AIO (smart homes, service) gắn với chiến lược kinh doanh hệ sinh thái hoàn chỉnh của Tổng công ty.

+ Chủ trương mở rộng "Go Global" để thực hiện chiến lược dài hạn tổ chức bộ máy nghiên cứu các thị trường: *Thị trường Úc; Tại thị trường Bangladesh, Trung đông (nghiên cứu, đánh giá các sản phẩm kinh doanh phù hợp với thế mạnh của VCC);* báo cáo Hội đồng quản trị, chủ sở hữu.

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn liền với mọi hoạt động kinh doanh phát triển theo 6 khía cạnh và đạt mức độ trưởng thành 5/5 mức thống nhất.

**c. Giám sát hoạt động công bố thông tin**

Thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin năm 2023 theo Điều 10, 11, 12 và 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 quy định về công bố thông tin định kỳ của công ty đại chúng trên thị trường chứng khoán. Tổng số thông tin đã công bố trong năm là 31 bản tin;

**3. Báo cáo kiểm soát giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên liên quan**

Căn cứ vào Điều 290 khoản 4 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định về việc giám sát các báo cáo giao dịch giữa Tổng Công ty với các bên liên quan.

- Trong năm 2023 không phát sinh các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên đó.

1753

CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH - T



- Trong năm 2023, có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan là giao dịch giữa Tổng Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Nội dung Hợp đồng chủ yếu liên quan đến cung cấp dịch vụ, hàng hóa thông thường như: dịch vụ vận hành mạng viễn thông, cung cấp vật tư viễn thông, thi công công trình... đã báo cáo xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin đúng quy định. Các giao dịch này đã mang lại doanh thu, dòng tiền ổn định và lợi nhuận tốt cho Tổng Công ty Công trình Viettel trong năm 2023.

#### 4. Kết quả giám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết.
- Vốn điều lệ năm 2023 vẫn giữ nguyên 1.143.858.790.000 đ ~ 114.385.879 cổ phiếu; do năm 2023 không thực hiện tăng vốn điều lệ, chuyển sang chi bằng tiền, tổng tỷ lệ 29,19%. (đã công bố thông tin trên thông tin đại chúng).
- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết.

#### 5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh 2023

##### 5.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

###### a. Về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2023 được lập trên cơ sở lựa chọn chính sách kế toán phù hợp, áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, tuân thủ pháp luật và các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC "là đơn vị nằm trong danh sách được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2023", báo cáo được chấp nhận toàn phần và có ý kiến phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

###### b. Về kiểm toán báo cáo tài chính

Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến trong báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Kết quả phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 5.2. Tình hình kinh doanh và tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023

###### 5.2.1 Kết quả thực hiện theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ

###### a) Số liệu theo báo cáo hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng./.

| TT        | NỘI DUNG                  | TH 2023 | KH 2023 | TH 2022 | CL TH 2023-KH |       | CL TH 2023-TH |        |
|-----------|---------------------------|---------|---------|---------|---------------|-------|---------------|--------|
|           |                           |         |         |         | +/-           | %     | +/-           | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính</b> |         |         |         |               |       |               |        |
| 1         | Tổng doanh thu            | 11 399  | 10 338  | 9 495   | 1 061         | 10.3% | 1 904         | 20.0%  |
| 2         | Chi phí                   | 10 754  | 9 725   | 8 925   | 1 029         | 10.6% | 1 829         | 20.5%  |
| 3         | Lợi nhuận trước thuế      | 645     | 613     | 570     | 32            | 5.2%  | 75            | 13.1%  |
| 4         | Lợi nhuận sau thuế        | 516     | 487     | 455     | 29            | 5.9%  | 61            | 13.3%  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>  |         |         |         |               |       |               |        |
| 1         | ROA                       | 8.0%    | 8.2%    | 9.1%    | -0.2%         | -3.0% | -1.1%         | -12.5% |
| 2         | ROE                       | 28.5%   | 28.0%   | 30.9%   | 0.5%          | 1.6%  | -2.4%         | -7.8%  |



- Tổng công ty thực hiện hoàn thành vượt các chỉ tiêu kết quả kinh doanh so với kế hoạch và cùng kỳ, như sau:

+ Doanh thu đạt 11.399 tỷ đồng, vượt 1.061 tỷ đồng ~ vượt 10,3% so với nghị quyết và tăng 1.904 tỷ đồng ~ tăng 20% so với năm 2022.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 645 tỷ đồng, vượt 32 tỷ đồng ~ 5,1% so với nghị quyết, tăng 75 tỷ đồng ~ tăng 13,1% so với năm 2022;

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 516 tỷ đồng, vượt 29 tỷ đồng ~ 5,9% so với nghị quyết, tăng 61 tỷ đồng ~ tăng 13,3% so với năm 2022;

+ ROA đạt 8% đạt 97% nghị quyết, giảm 1,1% so với năm 2022, do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản nhanh hơn tốc độ tăng LNST nên chỉ tiêu này giảm so với năm 2022 và thấp hơn chỉ tiêu ĐHCĐ giao;

+ ROE đạt 28,5% vượt 0,5% ~ 1,6% so với nghị quyết, giảm 2,4% so với năm 2022.

- Tổng công ty hoàn thành và vượt 5/6 chỉ tiêu hợp nhất do ĐHCĐ năm 2023 giao.

b) Số liệu theo báo cáo Công ty Mẹ

ĐVT: Tỷ đồng./.

| TT        | NỘI DUNG                  | TH 2023 | KH 2023 | TH 2022 | CL TH 2023- |       | CL TH 2023- |        |
|-----------|---------------------------|---------|---------|---------|-------------|-------|-------------|--------|
|           |                           |         |         |         | +/-         | %     | +/-         | %      |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính</b> |         |         |         |             |       |             |        |
| 1         | Tổng doanh thu            | 9 848   | 9 256   | 8 335   | 592         | 6.4%  | 1 513       | 18.1%  |
| 2         | Chi phí                   | 9 225   | 8 667   | 7 790   | 558         | 6.4%  | 1 436       | 18.4%  |
| 3         | Lợi nhuận trước thuế      | 622     | 590     | 545     | 33          | 5.6%  | 77          | 14.1%  |
| 4         | Lợi nhuận sau thuế        | 500     | 472     | 439     | 29          | 6.1%  | 61          | 13.9%  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>  |         |         |         |             |       |             |        |
| 1         | ROA                       | 8.3%    | 8.6%    | 9.4%    | -0.3%       | -3.3% | -1.1%       | -11.4% |
| 2         | ROE                       | 28.7%   | 27.7%   | 30.5%   | 1.0%        | 3.6%  | -1.8%       | -6.0%  |

- Các chỉ tiêu so với kế hoạch và cùng kỳ tại Công ty Mẹ:

+ Doanh thu đạt 9.848 tỷ đồng, vượt 592 tỷ đồng ~ 6,4% so với Nghị quyết và tăng 1.513 tỷ đồng ~ tăng 18,1% so với năm 2022.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 622 tỷ đồng, vượt 33 tỷ đồng ~ 5,5% so với Nghị quyết, tăng 77 tỷ đồng ~ tăng 14,1% so với năm 2022;

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 500 tỷ đồng, vượt 29 tỷ đồng ~ 6,1% so với Nghị quyết, tăng 61 tỷ đồng ~ tăng 13,9% so với năm 2022;

+ ROA đạt 8,3% đạt 96,7% Nghị quyết, giảm 1,1% so với năm 2022;

+ ROE đạt 28,7% vượt 1% ~ 3,6% so với Nghị quyết, giảm 1,8% so với năm 2022.

- Ban kiểm soát đánh giá các chỉ tiêu của Công ty Mẹ đều vượt tất cả 5/6 chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao. Tiếp tục, duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ của các năm trước, đóng góp 86% tổng doanh thu và đóng góp đến những 96,5% tổng lợi nhuận trong toàn Tổng công ty.

5.2.2. Tình hình tài chính của TCT tại thời điểm 31/12/2023

Số liệu các chỉ tiêu, chi số cụ thể sau:

ĐVT: Tỷ đồng./.



| TT         | NỘI DUNG                          | ĐVT     | TH 2023 | TH 2022 | CL TH 2023-TH |       |
|------------|-----------------------------------|---------|---------|---------|---------------|-------|
|            |                                   |         |         |         | +/-           | %     |
| <b>I</b>   | <b>Chỉ tiêu tài chính</b>         |         |         |         |               |       |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                    | Tỷ đồng | 1 988   | 1 637   | 350.9         | 21.4% |
| 2          | Tổng tài sản                      | Tỷ đồng | 6 916   | 6 060   | 855.8         | 14.1% |
| 3          | Nợ phải trả                       | Tỷ đồng | 4 928   | 4 423   | 504.9         | 11.4% |
| 4          | Nợ vay                            | Tỷ đồng | 1 574   | 1 466   | 108.1         | 7.4%  |
| <b>II</b>  | <b>Khả năng thanh toán</b>        |         |         |         |               |       |
| 1          | Tỷ lệ thanh toán hiện hành        | Lần     | 1.24    | 1.21    | 0.03          | 2.3%  |
| 2          | Tỷ lệ thanh toán nhanh            | Lần     | 1.06    | 1.01    | 0.05          | 5.1%  |
| <b>III</b> | <b>Khả năng sinh lời</b>          |         |         |         |               |       |
| 1          | Biên EBIT (%)                     | %       | 5.3%    | 5.1%    | 0.3%          | 5.2%  |
| 2          | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản   | %       | 7.5%    | 7.5%    | -0.1%         | -0.7% |
| <b>IV</b>  | <b>Hiệu suất hoạt động</b>        |         |         |         |               |       |
| 1          | Chu kỳ kinh doanh                 | Ngày    | 115.4   | 107.7   | 7.7           | 7.1%  |
| 2          | Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản | Lần     | 1.63    | 1.56    | 0.1           | 4.6%  |

- **Chỉ tiêu tài chính:** Vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của Tổng công ty năm 2023 được bảo toàn và tăng trưởng tốt đến từ cải thiện trong hoạt động quản trị:  
+ Vốn chủ sở hữu đạt: 1.988 tỷ đồng, tăng mạnh 21,4% so với năm 2022,  
+ Tổng tài sản năm 2023 đạt: 6.916 tỷ đồng ~ tăng 14,1% so với năm 2022,  
+ Tổng nợ phải trả năm 2023 đạt: 4.928 tỷ đồng ~ tăng 11,4% so với năm 2022,  
+ Nợ vay năm 2023 đạt: 1.574 tỷ đồng ~ tăng 7,4% so với năm 2022,  
+ Chu kỳ kinh doanh: 115,4 ngày tăng 7,7 ngày ~ tăng 7,1%/năm 2022,  
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản là: 1,63 lần tăng 0,07 lần ~ tăng 4,6% so với năm 2022.

- **Khả năng thanh toán:** TCT đảm bảo thanh toán mọi nghĩa vụ tài chính khi cải thiện khả năng thanh toán

+ Tỷ lệ thanh toán hiện hành đạt: 1,24 lần tăng 2,3 % so với năm 2022,  
+ Tỷ lệ thanh toán nhanh đạt: 1,06 lần tăng 5,1 % so với năm 2022,

- **Khả năng sinh lời:** đảm bảo tăng trưởng, ổn định, xu hướng phát triển tốt:

+ Biên EBIT năm 2023 đạt: 5,3% tăng 5,2% so với năm 2022,

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt: 7,5% giảm nhẹ 0,1% so với năm 2022.

## 6. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/BĐH và ĐHĐCĐ

- Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023-2024, Tổng Công ty đảm bảo nguồn cung cấp thông tin; công tác phối hợp giữa HĐQT/BĐH vẫn đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và lợi ích của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ quy định theo Điều lệ của Tổng Công ty và quy định của Pháp luật.

## PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2024



## I. Mục tiêu và phương châm hoạt động

- Giám sát mọi tình hình hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết, thượng tôn pháp luật trong các lĩnh vực;
- Giám sát chuyên đề, tìm nguyên nhân, cảnh báo kịp thời.

## II. Kế hoạch hoạt động

1. Giám sát theo kế hoạch đã thông qua ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật.
2. Giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ với HĐQT/BĐH.
3. Thẩm định báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, trước và sau kiểm toán.
4. Giám sát theo chuyên đề: Công tác pháp lý hoạt động; lĩnh vực đầu tư; công tác tài chính; hồ sơ pháp lý công tác mua sắm; ...
5. Giám sát các nội dung, kiến nghị của kiểm toán độc lập trong báo cáo tài chính.
6. Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.
7. Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới Ban kiểm soát (nếu có).
8. Giám sát khắc phục các kết luận thanh kiểm tra và các công việc khác.

## PHẦN C: KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Đề công tác điều hành hoạt động có hiệu quả cao, Ban kiểm soát có một số kiến nghị đối với HĐQT/BĐH như sau:

*Thứ nhất:* Tổng Công ty tiếp tục tăng cường rà soát kiểm tra hồ sơ pháp lý hoạt động kinh doanh trong nước và thị trường, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực phải tuân thủ nghiêm và thượng tôn Pháp luật.

*Thứ hai:* Trước diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường còn tiềm ẩn những khó khăn thử thách. Tổng công ty cần xây dựng các kịch bản quản trị - điều hành để kịp thời thích ứng với những biến động của thị trường trong việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty.

*Thứ ba:* nâng cao công tác quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi doanh nghiệp. Tổng công ty với quy mô càng ngày càng lớn, tốc độ tăng trưởng nhanh để duy trì đà tăng trưởng như 6 năm qua, cần phải đảm bảo yêu cầu đó, đặt nhiệm vụ nâng cao chất lượng số liệu và công tác kế toán lên hàng đầu.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT/BĐH Tổng Công ty đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình./.



Ngô Quang Tuệ



Số: 07./TT-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel,

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

**1. Yêu cầu đối với đơn vị kiểm toán**

- Là đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024.
- Là đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có uy tín về chất lượng dịch vụ và đảm bảo thời gian kiểm toán, phí kiểm toán.

**2. Đề xuất của Ban Kiểm soát**

Dựa theo tiêu chí trên, Ban kiểm soát đề xuất các công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Kính đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty nêu trên theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.





Số: 08/TTr-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.  
Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;  
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 với những chỉ tiêu chính như sau:

| TT        | Chỉ tiêu (ĐVT: Tỷ đồng)             | Năm 2022 (*) | Năm 2023 | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------|--------------|----------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Báo cáo tài chính riêng</b>      |              |          |         |
| 1         | Tổng tài sản                        | 5.669        | 6.359    |         |
| 2         | Nợ phải trả                         | 4.086        | 4.456    |         |
|           | - Trong đó Nợ vay                   | 1.466        | 1.574    |         |
| 3         | Vốn chủ sở hữu                      | 1.583        | 1.902    |         |
| 4         | Tổng Doanh thu                      | 8.335        | 9.848    |         |
| 5         | Tổng Chi phí                        | 7.790        | 9.225    |         |
| 6         | Lợi nhuận trước thuế                | 545          | 622      |         |
| 7         | Lợi nhuận sau thuế TNDN             | 439          | 500      |         |
| <b>II</b> | <b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>   |              |          |         |
| 1         | Tổng tài sản                        | 6.060        | 6.916    |         |
| 2         | Nợ phải trả                         | 4.423        | 4.928    |         |
|           | - Trong đó Nợ vay                   | 1.466        | 1.574    |         |
| 3         | Vốn chủ sở hữu                      | 1.637        | 1.988    |         |
| 4         | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 0,05         | 0,08     |         |
| 5         | Tổng Doanh thu                      | 9.495        | 11.399   |         |
| 6         | Tổng Chi phí                        | 8.925        | 10.754   |         |
| 7         | Lợi nhuận trước thuế                | 570          | 645      |         |
| 8         | Thuế TNDN                           | 115          | 129      |         |
| 9         | Lợi nhuận sau thuế TNDN             | 455          | 516      |         |

(\*) Số liệu 2022 đã điều chỉnh theo yêu cầu của KTNV

(Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo công ty mẹ (Báo cáo riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán chi tiết đính kèm)

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**ĐỖ MẠNH HÙNG**

Số: 09 /TTr-VCC

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

### TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua nội dung phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

| STT         | Chỉ tiêu                   | Năm 2023                |               |        |
|-------------|----------------------------|-------------------------|---------------|--------|
|             |                            | Giá trị<br>(triệu đồng) | % VDL         | % LNST |
| 1.          | Vốn điều lệ đầu kỳ         | 1.143.859               |               |        |
| 2.          | Tổng LNST                  | 539.117                 | 47,13%        |        |
| -           | LNST thực hiện trong kỳ    | 500.329                 |               |        |
| -           | LNST để lại kỳ trước       | 38.788                  |               |        |
| 3.          | Đề xuất PPLN               | 538.630                 |               |        |
| 3.1         | Trích Quỹ ĐTPT             | 100.000                 | 9%            | 20%    |
| 3.2         | Trích Quỹ KTPL             | 125.000                 | 11%           | 25%    |
| 3.3         | Trích thưởng Người quản lý | 2.500                   | 0,2%          | 0,5%   |
| <b>3.4.</b> | <b>Trả cổ tức</b>          | <b>311.130</b>          | <b>27,20%</b> |        |
| -           | Bằng tiền mặt              | 311.130                 | 27,20%        |        |
| -           | Bằng cổ phiếu              | -                       |               |        |
| 4.          | LNST chưa phân phối        | 487                     |               |        |

Đề xuất:

- ĐHCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét, quyết định mức thưởng, hình thức thưởng và phương án thưởng cụ thể cho các cá nhân cho mục 3.3 nêu trên.

- Đối với việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi trên cơ sở nhu cầu chi thực tế và quy định pháp luật và nội bộ của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

